

*Phước Tiên Thánh dựng lên  
Đều do lời giảng pháp  
Nói pháp là phướn thánh  
Vậy không nên im lặng.*

Đức Phật giảng như vậy rồi đứng dậy từ giã họ.

\*\*

### 95. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la. Trong nước này, có vị Bà-la-môn tên là Thiên Kính, ở trong xóm làng có nhà cho khách nghỉ. Khi ấy Tôn giả Ưu-ba-ma-na là thị giả của Phật, đang nghỉ trong nhà khách đó. Bấy giờ Đức Như Lai bị gió động nên đau lưng. Tôn giả Ưu-ba-ma-na mặc y, cầm bát đến nhà Bà-la-môn Thiên Kính. Thiên Kính đang ngồi trong nhà cạo râu, từ xa thấy Tôn giả, bèn nói kệ:

*Cạo tóc mặc pháp y  
 Tay cầm bát ứng khí  
 Đứng yên bên ngó tôi  
 Ngài muốn cầu chuyện gì?*

Tôn giả Ưu-ba-ma-na nói kệ đáp:

*Đại La-hán, Thiện Thệ  
 Mâu-ni đang đau lưng  
 Cần chút thuốc nước ấm  
 Nên đến nhà này xin.*

Bà-la-môn lấy bát và đựng đầy tô, dầu, một cục đường đen, một thùng thuốc nước ấm, đem ra cúng dường. Tôn giả nhận những thứ ấy rồi đem đến chỗ Đức Phật, dùng tô, dầu và nước thuốc tắm rửa thân Phật, uống mật, đường, bệnh đau lưng liền giảm.

Bà-la-môn Thiên Kính vào sáng sớm hôm sau đến gặp Đức Phật. Sau khi thăm hỏi Thế Tôn xong thì ngồi qua một bên. Thế Tôn nói kệ hỏi vị Bà-la-môn:

*Xin hỏi Bà-la-môn  
 Hành pháp Bà-la-môn  
 Cho gì được quả lớn*

*Cho khi nào đúng lúc  
Cho vào phước điền nào  
Được quả báo thù thắng?*

Bà-la-môn nói kệ đáp:

*Bậc học thức, hiểu biết  
Đa văn ghi nhớ nhiều  
Cha mẹ dòng chánh tịnh  
Dung mạo rất đoan nghiêm  
Những vị ấy gọi là  
Bà-la-môn tam minh  
Ai thí những vị ấy  
Thu đạt quả báo lớn  
Tùy thời thí y thực  
Là phước điền thù thắng.*

Bà-la-môn nói kệ hỏi Đức Phật:

*Cù-dàm nói hạng nào  
Gọi là Bà-la-môn?  
Thế nào là ba minh?  
Thí đâu được quả lớn?  
Thí khi nào đúng lúc?  
Thắng phước điền là gì?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Biết rõ cả ba đời  
Thấy trời, người, đường ác  
Không còn sanh tử nữa  
Chứng đắc những thân thông  
Tâm trí đạt giải thoát  
Đấy gọi là ba minh  
Thí vị ấy quả lớn  
Gọi là thắng phước điền.*

Bà-la-môn Thiên Kính nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giã.

### 96. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la, ban đêm nghỉ ở rừng Sa-la. Có một Bà-la-môn đang canh tác ở gần rừng, sáng sớm đi thăm ruộng nên đến chỗ Phật, thưa:

—Bạch Thế Tôn, con trông trọt gần rừng nên ưa thích rừng này. Nay Ngài cũng ưa thích rừng Sa-la này, có phải chăng Ngài cũng muốn canh tác ở đây?

Bà-la-môn nói kệ:

*Ngài vì muốn trồng cây  
Phải chăng ưa rừng này?  
Không bạn, vui cô tịch  
Thích rừng này phải không?*

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ta ở trong rừng này  
Chẳng phải làm gì cả  
Nhổ sạch hết gốc rễ  
Tất cả đều phá khô  
Ở rừng nhưng không rừng  
Đã xa lìa hẳn rừng  
Ta bỏ hẳn thú vui.  
Thiền định, đoạn nhiễm đắm.*

Vị Bà-la-môn lại nói kệ:

*Ngài thật tên Phật-dà  
Tôn quý nhất thế gian  
Diệt trừ các phiền não  
Xa lìa sự tích chứa  
Bậc Tối Thượng thế gian  
Nên hiệu là Thế Tôn.*

Bà-la-môn này nói kệ xong, hoan hỷ từ giã.

\*\*  
\*

### 97. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Câu-tát-la, trú nơi rừng Sa-la. Cách rừng không xa, có một Bà-la-môn dạy học cho năm trăm thanh niên. Bà-la-môn ấy thường nghĩ: “Bao giờ Đức Thế Tôn du hành đến tại rừng này ta sẽ tới thăm hỏi, Ngài sẽ giải thích cho ta những điều nghi ngờ!”

Lúc đó vị ấy sai các thanh niên vào rừng chặt củi để tế lửa. Các thanh niên kia vào rừng thấy Đức Như Lai ngồi bên gốc cây, doan nghiêm đặc biệt, dung mạo hòa nhã, như lầu bằng vàng ròng, hào quang rực rỡ. Những thanh niên thấy Như Lai rồi, vội vác củi về, thưa với thầy:

– Trước đây thầy thường nghĩ đến việc thấy Phật, nay Đức Như Lai ở tại rừng này rất gần, nếu thầy muốn gặp thật là đúng lúc.

Vì Bà-la-môn nghe nói như vậy, liền đến gặp Đức Phật, thăm hỏi sức khỏe, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Rừng sâu rất rậm rạp  
Trông thấy thật đáng sợ  
Vì sao ngồi một mình  
Tu thiền tâm không hãi  
Lại không có tiếng ồn  
Nên tự thân hoan hỷ  
Vì sao vui tĩnh lặng  
Thật là chưa từng có  
Ngài vì cầu Phạm thiên  
Chúa tự tại thế giới  
Hay cầu làm Đế Thích  
Vua cõi trời Ba ba?  
Vì sao vui ở riêng  
Trong rừng sâu đáng sợ  
Thường tu hành khổ hạnh  
Nhambi mong cầu điều chi?*

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người nào còn mong cầu  
Nghi hoặc đầy tâm ý*

*Với vô số cảnh giới  
Tâm nhiễm đắm chạy theo  
Tất cả các kết sử  
Sanh ra vì không trí  
Ta nhổ gốc ngu si  
Cạn khô bùn dục buộc  
Đoạn sạch ý mong cầu  
Không còn các đối trả  
Ở trong các pháp thiện  
Chứng biết được thanh tịnh  
Đắc đạo quả vô thượng  
Bậc tu thiền ly dục.*

Vị Bà-la-môn lại nói kệ:

*Nay con xin đánh lẽ  
Quy y Đấng Mâu-ni  
Tự tại trong các thiền  
Giác ngộ Chánh biến tri.  
Thế Tôn trong Trời, Người  
Đầy đủ ba hai tướng  
Đoan chánh không ai bằng  
Giống như vua Tuyết sơn  
Trong rừng được giải thoát  
Nhưng không đắm vướng rừng  
Bậc Thanh Tịnh Giải Thoát  
Vô sanh nhổ tên độc  
Giáo pháp Như Lai thuyết  
Cao thượng trong các luận  
Lời lẽ vi diệu nhất  
Sư tử rồng trong đời  
Thuyết giảng bốn Thánh đế  
Độ khắp cho tất cả  
Tự xa lìa khổ lớn  
Lại hóa độ quần sanh  
Khiến đạt được an lạc*

*Nguyễn vì thuyết pháp này  
 Nay con hướng về lạy  
 Được sang bờ giải thoát  
 Xa lìa những sợ hãi.  
 Lành thay! Ngài đến đây!  
 Để con được gặp gỡ  
 Bậc Thầy của Trời, Người  
 Trù diệt được tất cả  
 Khổ não của chúng sanh.*

Vị Bà-la-môn nói kệ ấy xong, hoan hỷ từ giã.

\*\*  
\*

### 98. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la. Bấy giờ Đức Thế Tôn đang ở bên bờ sông Tôn-đà-lợi. Bên bờ sông này, có một Bà-la-môn đang sống ở đó. Ông ta đến gặp Đức Phật, sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa Phật:

–Ngài muốn xuống sông tắm phải không?

Đức Phật hỏi lại:

–Xuống tắm ở sông này có lợi ích gì?

Vị Bà-la-môn đáp:

–Sông này là nơi ngày xưa Tiên nhân đi qua. Ai xuống sông tắm rửa, trừ những điều xấu, được thanh tịnh, xinh đẹp tinh khiết, gọi là an lành lớn lao.

Đức Phật nghe như vậy liền nói kệ:

*Dầu là sông Tôn-đà  
 Đắc bể hay Hằng hà,  
 Yết-xà, Bà-bát-đề  
 Tắm trong những sông ấy  
 Không thể trừ sạch được  
 Những nghiệp ác đã tạo.  
 Đại lực Bát-khiên-đề  
 Cùng kẻ ngu hèn kém  
 Nếu cùng tắm một sông*

Cho đến trăm ngàn năm  
 Vẫn không thể trừ ác  
 Cố uế của phiền não.  
 Nếu tâm người thanh tịnh  
 Trì giới thường bố tát  
 Người thường tu nghiệp tịnh  
 Thường được đầy đủ giới  
 Không giết và không trộm  
 Không tà dâm, vọng ngữ  
 Người thường tin tội phước  
 Không ghen ghét người khác  
 Nước pháp rửa bụi trần  
 Nên tắm ở chỗ ấy.  
 Tuy nơi Tôn-đà-lợi,  
 Kiệt-xà, những dòng sông  
 Đầu là nước thế gian  
 Uống nước và tắm rửa  
 Không thể trừ cố uế  
 Và trừ những nghiệp ác.  
 Tắm, uống để làm gì!  
 Chân thật, nói nhu hòa  
 Bỏ sân, không hại vật  
 Nước này chân tịnh thủy  
 Ai vào sông tịnh giới  
 Tẩy trừ những phiền não  
 Tuy không trừ bẩn ngoài  
 Nhưng sạch uế bên trong.  
 Người hung ác tàn hại  
 Ngu bướng tạo nghiệp ác  
 Những bất tịnh như vậy  
 Như uế, ô, cẩu, ác  
 Nước chỉ tắm ngoài thân  
 Không thể trừ nghiệp ác.

Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, tán thán:

–Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ngài dạy. Người tắm rửa

chỉ trừ cáu bẩn trên thân. Người tạo nghiệp ác không thể trừ ác bằng cách tắm rửa.

\*\*

### 99. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật du hóa, bên bờ sông Tôn-đà-lợi, thuộc nước Câu-tát-la. Khi ấy Đức Thế Tôn vừa mới cạo râu tóc, trú đêm bên bờ sông. đêm tàn, trời sắp sáng, Ngài dùng y phủ lên đầu, chánh thân ngồi thẳng, đặt niệm ở trước mặt.

Bấy giờ, bên bờ sông ấy có vị Bà-la-môn tế lửa. Theo pháp tế lửa, phần vật phẩm tế xong phải đem cho các vị Bà-la-môn khác. Khi trời sắp sáng, vị ấy cầm vật tế xong đi tìm Bà-la-môn để thí cho họ, trên đường đi gặp Đức Phật. Đức Thế Tôn nghe tiếng ông ta đi, lấy y che đầu xuống, tảng hắng lên tiếng. Bà-la-môn này khi thấy Đức Phật, liền lên tiếng:

–Đây không phải là Bà-la-môn, mà là đạo nhân đầu trọc.

Ông ta muốn trở về nhà, lại suy nghĩ: “Người cạo đầu chưa chắc là Sa-môn, Bà-la-môn cũng có người cạo tóc, ta nên đến gặp ông ấy để hỏi về nguồn gốc, đẳng cấp, tộc họ”.

Vị Bà-la-môn ấy bèn đến gặp Đức Phật, thưa hỏi:

–Người sanh ở đâu và thuộc dòng họ nào?

Đức Thế Tôn nói kệ đáp:

*Đừng hỏi sanh ở đâu  
 Nên hỏi đã làm gì?  
 Cây nhỏ cũng sanh lửa  
 Ti tiện sanh hiền đạt  
 Khéo điều phục đời sống  
 Hổ thiện, làm việc thiện  
 Siêng năng tự điều thuận  
 Vượt khỏi bờ Vi-đà  
 Định ý thu nhiếp tâm  
 Tu phạm hạnh đây đủ  
 Sáng sớm nên bố thí  
 Phẩm vật tế tự xong.  
 Nay vị Bà-la-môn,*

*Nếu ai muốn tu phước  
Hãy cúng dường vị ấy  
Là bậc thiện trượng phu.*

Vị Bà-la-môn nói kệ:

*Nay tôi đang cúng dường  
Nơi này thật tế lửa  
Nay tôi quán sát Ngài  
Đã vượt bờ Vi-dà  
Xưa nay tế lẽ xong  
Đem cúng dường người khác  
Chưa gặp ai như Ngài  
Bậc Thắng Diệu Ứng Cúng.*

Vị Bà-la-môn liền đem thực phẩm dâng lên Đức Thế Tôn. Đức Phật không nhận và nói kệ:

*Trước không nghĩ bối thí  
Nghe thuyết pháp rồi cho  
Thức ăn uống như vậy  
Thật không nên nhận lấy  
Thường pháp quy định vậy  
Nên Ta không thọ nhận  
Thế nên không được nhận  
Vì thuyết giảng kệ pháp.  
Các Đại nhân hiện tại  
Tận diệt hết phiền não  
Nên đem thức ăn uống  
Cúng dường các vị ấy  
Người muốn cầu phước điền  
Nên cúng dường chốn đó  
Nếu ai muốn làm phước  
Ta chính là phước điền.*

Bà-la-môn lại bạch Phật:

– Nay con nên đem thực phẩm này bối thí cho ai?

Đức Phật dạy:

– Ta không thấy có Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma, Phạm nào

trong thế gian này có thể ăn thực phẩm ấy mà tiêu hóa được. Nên bỏ chúng vào chõ nước không có trùng.

Vị Bà-la-môn vâng lời Phật, đem thức ăn bỏ vào chõ nước không trùng, lửa khói bốc lên, nước sôi phát tiếng. Bà-la-môn thấy sự việc ấy rất sợ hãi, toàn thân nổi ốc. Vì sợ hãi nên ông ta chặt thêm củi dùng để tế lửa.

Đức Thế Tôn đến nơi kia nói kệ:

*Người đốt lửa đàng hoàng  
Cho là được thanh tịnh  
Người ít phước vô trí  
Chỉ đốt lửa bên ngoài  
Bà-la-môn nên biết  
Người bỏ đốt lửa đi  
Nên tu lửa trong tâm  
Cháy mãi không thể tắt.  
Thêm rộng lửa như thế  
Gọi là tế chân chánh  
Thường tín tâm bố thí  
Người nên tế như vậy.  
Nay người kiêu mạn nặng  
Chẳng xe nào chở nổi  
Sân độc như khói tỏa  
Như dầu tươi vào lửa  
Lưỡi luôn dấy lời ác  
Tâm chứa đựng lửa dữ  
Không thể tự điều thuận  
Sao gọi là trượng phu?  
Ai lấy tín làm sông,  
Giới làm bờ tế độ  
Nước thanh tịnh như vậy  
Được người thiện tán thán.  
Ai tin tắm bằng giới  
Là thần chú Tỳ-đà  
Diệt được các tướng ác  
Được sang bờ bên kia*

*Dùng pháp để làm ao  
 Cù-dàm chân tết độ  
 Nước tịnh thủy thanh khiết.  
 Thiện trượng phu rất quý  
 Những người thường tắm rửa  
 Người công đức Tỳ-đà  
 Thân thể không nhơ bẩn  
 Được sang bờ bên kia  
 Nói thật, điêu các căn  
 Chế ngự cả ba nghiệp  
 Tu đầy đủ phạm hạnh  
 Nhẫn, hổ thẹn tối thươn  
 Tin đến người chất trực  
 Đấy là pháp tắm rửa  
 Thế nên ông ngày nay  
 Cần phải biết như vậy.*

Vị Bà-la-môn nghe lời Phật dạy, bỏ dụng cụ tế lửa, đứng dậy lỗ  
Phật, chắp tay cung kính, bạch:

—Cầu mong Đức Phật cho phép con được xuất gia thọ giới cụ túc  
trong Phật pháp, được làm vị Tỳ-kheo, theo pháp Phật tu phạm hạnh.

Đức Phật đồng ý cho vị ấy xuất gia, thọ giới cụ túc. Vị Tôn giả  
ấy siêng năng, dốc tâm tu tập, hết mực tự kiềm chế, vui ở chỗ vắng, xa  
lìa phóng dật, không ưa gần gũi kẻ tại gia, xuất gia. Vì sao vậy? Tộc  
tánh tử đó cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, chánh tín xuất gia, tu vô lượng  
phạm hạnh, hiện tại thấy biết tự thân chứng đạo. Bấy giờ Tỳ-kheo ấy  
tu tập định tuệ, đắc quả A-la-hán, diệt tận hữu lậu, phạm hạnh đã lập,  
hoàn tất công việc, không thọ đời sau.

\*\*

### 100. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc  
nước Xá-vệ.

Có một Bà-la-môn bện tóc tên là Bà-la-đột-ra-xà, đến gặp Đức  
Phật. Sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, vị ấy nói kệ:

*Tóc bên ngoài bị bện  
Trong có tóc bện không?  
Thế gian bị tóc quấn  
Ai có thể thoát được?*

Thế Tôn nói kệ:

*Bậc trí sáng lập giới  
Tâm tu bằng trí tuệ  
Tinh tấn chuyên cần học  
Tuổi trẻ trừ tóc bện.*

Bà-la-môn nói kệ:

*Bên ngoài bị tóc quấn  
Trong có tóc quấn không?  
Thế gian bị tóc quấn  
Ai có thể đoạn trừ?*

Thế Tôn nói kệ:

*Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân  
Cùng ý căn pháp trần  
Danh sắc đều không còn  
Tâm, ý, xứ đều diệt  
Ai chứng được như vậy  
Đoạn trừ được tóc quấn.*

Tổng nghiệp tụng:

*Chiên đà, Bà-tư-trà  
Mất bò, giảng tập xứ  
Thiên kính, rừng Sa-la  
Lấy củi, hai Tôn Đà  
Nhất bện tóc là mươi.*

\*\*  
\*

101. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại gốc cây Bồ-đề, bên bờ sông Nê-liên, thuộc xóm Ưu-lâu-tần-loa, thành đạo chưa được bao lâu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi im lặng một mình, suy nghĩ: “Người nào không có tâm cung kính, không kính thuận với Tôn trưởng của mình, không nhận lãnh sự dạy bảo, không có chỗ để kính sợ, mặc tình phóng túng, thì vĩnh viễn mất sự lợi ích chân thật. Những người như vậy bị các khổ ràng buộc. Người nào hiếu thuận, phụng sự Sư trưởng, kính dường, biết sợ, tùy thuận không nghịch, ước nguyện thành tựu, được lợi ích chân thật lớn. Người như vậy sống ở đâu cũng an lạc”.

Đức Phật lại suy nghĩ: “Tất cả trong thế gian như: Trời, Người, thế giới chư Thiên, thế giới nhân loại, thế giới Ma, thế giới Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn ... tất cả sanh loại trong thế gian, nếu người nào có Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến hơn Ta, Ta sẽ gần gũi, nương tựa, cúng dường cung kính. Sau khi quán sát khắp, Ta đều không thấy tất cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, trong thế gian, không có vị nào hơn Ta về Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến để Ta nương tựa”.

Ngài lại suy nghĩ: “Pháp mà Ta đã giác ngộ được, nay Ta nên gần gũi, cúng dường, cung kính, thành tâm tôn trọng. Vì sao? Tất cả chư Phật trong quá khứ đều gần gũi, nương tựa, cúng dường, cung kính, tôn trọng pháp ấy. Chư Phật trong vị lai và hiện tại cũng gần gũi, nương dựa pháp ấy, cúng dường, cung kính, sanh tâm tôn trọng. Nay Ta cũng như chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại gần gũi, nương tựa, cúng dường, cung kính, tôn trọng Pháp”.

Bấy giờ Thiên chủ Phạm vương từ xa biết Thế Tôn đang ngồi nơi gốc cây Bồ-đề, bên sông Nê-liên, thuộc xóm Ưu-lâu-tần-loa, suy nghĩ: “Quán sát trong thế gian cả Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả chúng sanh nếu có ai hơn Ta về Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Ta sẽ nương dựa vị ấy, nhưng Ta chẳng thấy có người nào hơn Ta cả”. Ngài lại quán sát chư Phật ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều gần gũi, nương tựa Pháp, cúng dường cung kính, sanh tâm tôn trọng. Hiện nay Ngài cũng tùy theo chư Phật đã làm, gần gũi, nương tựa, cúng dường cung kính, tôn trọng Pháp.

Khi ấy vua trời Phạm thiên lại suy nghĩ: “Ta nên rời chỗ này đến gặp Đức Phật”.

Vua trời Phạm thiên, chỉ trong thời gian như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, đến gặp Đức Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, thật như ý nghĩ của Ngài, đúng như ý nghĩ của Ngài!

Phạm thiên nói kệ:

*Quá khứ, hiện tại chư Như Lai  
Tất cả Phật-đà trong hiện tại  
Bậc Chánh Giác này đã trừ não  
Tất cả đều lấy Pháp làm thầy  
Gần gũi, nương tựa sống với Pháp  
Đấy chính là pháp ba đời Phật  
Thế nên muôn tôn trọng bản thân  
Trước phải tôn trọng kính Pháp ấy  
Cần phải ghi nhớ lời Phật dạy  
Tôn trọng cúng dường pháp vô thượng.*

Bấy giờ Phạm vương tán thán Thế Tôn, sanh tâm hoan hỷ sâu xa, rồi làm lễ từ giã.

\*\*

### 102. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại gốc cây Bồ-đề, bên bờ sông Nê-liên, thuộc xóm Ưu-lâu-tần-loa, thành đạo chưa bao lâu.

Ngồi một mình bên gốc cây, Đức Phật suy nghĩ: “Có con đường duy nhất đưa chúng sanh đến thanh tịnh, khiến cho xa lìa khổ não, cũng trừ diệt được nghiệp ác, bất thiện, đạt được lợi ích đúng pháp. Pháp ấy là bốn Niệm xứ. Bốn Niệm xứ là gì? Đó là: Quán thân niệm xứ, quán thọ niệm xứ, quán tâm niệm xứ, và quán pháp niệm xứ. Người nào không tu bốn Niệm xứ là xa lìa pháp Hiền thánh, rời bỏ nẻo thánh. Ai xa lìa nẻo thánh là xa lìa pháp cam lộ. Ai xa lìa pháp cam lộ thời không thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não. Những người như vậy, Ta nói rõ: họ không thể nào thoát ly tất cả các khổ. Ai tu bốn Niệm xứ là gần gũi pháp Thánh hiền. Ai gần gũi Thánh hiền là gần gũi đạo Hiền thánh. Ai gần gũi đạo Hiền thánh là gần gũi pháp cam lộ. Ai gần gũi pháp cam lộ là có khả năng thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não, chính những người ấy thoát ly hoàn toàn sự khổ”.

Lúc ấy vua trời Phạm thiên từ xa biết ý nghĩ của Đức Thế Tôn nên tự nghĩ: “Nay ta nên đến gặp Đức Thế Tôn, tùy hỷ tán trợ”. Nghĩ như thế xong, trong khoảng thời gian nhanh như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, vua trời Phạm thiên đến gặp Đức Phật, đánh lẽ dưới chân Ngài, đứng qua một bên, bạch Phật:

–Đúng như ý nghĩ của Đức Thế Tôn, có con đường duy nhất đưa chúng sanh đến thanh tịnh... cho đến được thoát khỏi ưu bi, khổ não.

Khi ấy Phạm thiên nói kệ:

*Chỉ có đạo cam lộ  
Chốn ấy phải tinh cần.  
Muốn cầu xa lìa khổ  
Chỉ có một đường kia  
Ai đi trên đường đấy  
Như nhạn vượt không gian  
Đức Thích-ca Mâu-ni  
Đã chứng đắc Phật đạo  
Tất cả Chánh Đạo Sư  
Đều đem đường giác đó  
Chỉ dạy cho chúng sanh  
Nên nêu giảng nhiều lần  
Để mong mọi người biết  
Tận ranh giới sanh hữu.  
Mong Ngài thuyết nhất đạo  
Tế độ các chúng sanh  
Chư Phật trong quá khứ  
Giải thoát bằng đường này  
Phật vị lai, hiện tại  
Đi đường ấy giác ngộ.  
Thế nào gọi là độ?  
Vượt qua được dòng thác  
Cứu cánh nơi vô biên  
Điều phục được cực tịnh  
Thế gian đều sanh tử  
Ngài biết các cảnh giới  
Vì những người có mắt*

*Chỉ dạy con đường này  
 Như dòng Hằng hà kia  
 Chảy hướng về biển lớn  
 Thánh đạo cũng như vậy  
 Phật khai thị hiển nhiên  
 Đạo này như sông kia  
 Hướng về biển cam lô  
 Xưa nay chưa từng nghe  
 Tiếng chuyển diệu pháp luân  
 Cầu mong Thiên Tôn Nhân  
 Đấng Vượt Già, Bệnh, Chết  
 Nơi tất cả quy y  
 Xin chuyển diệu pháp luân.*

Vua trời Phạm thiên nói kệ xong, đảnh lễ dưới chân Phật, từ giã biến mất.

\*\*

### 103. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy, vào giữa đêm, vua trời Phạm thiên với hào quang chiếu sáng, đến gặp Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi qua một bên. Phạm thiên, với hào quang rực rỡ chiếu sáng cả nơi ấy, ngay tại chỗ ngồi, nói kệ:

*Sát-lợi, Lưỡng Túc Tôn  
 Bậc Chứng Tánh Chân Chánh  
 Đầy đủ cả minh hạnh  
 Tôi thắng trong Trời, Người.*

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Lời nói rất đúng! Lời nói rất đúng!

*Sát-lợi, Lưỡng Túc Tôn  
 Đấng Chứng Tánh Chân Chánh  
 Đầy đủ minh và hạnh  
 Tôi thắng trong Trời, Người.*

Vua trời Phạm thiên nghe lời Phật dạy, hoan hỷ vui mừng, đánh lễ nơi chân Phật, biến mất tại chỗ, trở về Thiên cung.

\*\*  
\*

#### 104. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa ở nước Câu-tát-la. Trong nước ấy có một trú xứ A-lan-nhã, Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ-kheo nghỉ đêm ở đó. Đức Thế Tôn khen ngợi trú xứ ấy, thuyết giảng về pháp trú xứ A-lan-nhã.

Vua trời Phạm thiên biết Đức Như Lai đang du hóa ở nước Câu-tát-la, cùng đại chúng Tỳ-kheo nghỉ đêm tại trú xứ yên tĩnh, tán thán trú xứ ấy, thuyết giảng về pháp trú xứ A-lan-nhã. Vua trời Phạm thiên suy nghĩ: “Nay ta nên đến gặp Thế Tôn, tùy hỷ tán thán”.

Phạm thiên vương biến mất ở cung trời, nhanh như thời gian người tráng sĩ co duỗi cánh tay, đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Trải tọa cụ chỗ vắng  
 Nên đoạn mọi trói buộc  
 Nếu không thích như vậy  
 Nên về sống giữa Tăng  
 Luôn luôn tự chánh niệm  
 Thu nhiếp căn, khất thực  
 Giữ gìn đủ giới cấm  
 Nên đến nơi yên tĩnh  
 Xả bỏ hết sợ hãi  
 Trú vững tâm không sợ  
 Đoạn trừ sạch kiêu mạn  
 Kiên tâm trú nơi ấy  
 Điều con nghe như vậy  
 Không nên nghi hoặc nữa  
 Một ngàn A-la-hán  
 Tại đây đoạn sanh tử  
 Học hữu hai ngàn rưỡi  
 Ngàn một trăm Dự lưu  
 Nhập lưu tu chánh đạo*

*Không còn đi đường tà  
Không thể trình bày hết  
Người hành đạo đặc quả  
Lý do không thể nói  
Sợ họ không kính tín.*

Khi ấy Phạm thiên chủ nói kệ xong, đánh lễ chân Phật, trở về Thiên cung.

\*\*

### 105. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở rừng Thích-sí, thuộc thành Ca-tỳ-la-vệ cùng đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị, đều là bậc A-la-hán, diệt sạch hết các lậu, đã làm xong việc, bỏ gánh nặng xuống, đạt đến tự lợi, hết nghiệp đời sau, không còn bị phiền não trói buộc, trí tuệ chân chánh giải thoát. Lại có chư Thiên đại uy đức trong mười thế giới đến gặp Phật, thăm hỏi Đức Phật và Tăng.

Khi ấy Đức Thế Tôn thuyết pháp tùy thuận Niết-bàn. Có bốn vị trời ở cõi Phạm thân, tự nghĩ: “Hiện nay Đức Phật đang ở rừng Thích-sí, thành Ca-tỳ-la-vệ, cùng năm trăm vị Tỳ-kheo Tăng, đều là bậc A-la-hán, đã hết các lậu, việc làm đã xong, bỏ gánh nặng xuống, đạt đủ tự lợi, hết nghiệp đời sau, không còn phiền não trói buộc, trí tuệ chân chánh giải thoát. Lại có chư Thiên đại uy đức trong mười thế giới đến chỗ Phật, thăm hỏi Đức Phật và Tăng. Thế Tôn vì họ thuyết giảng pháp tùy thuận Niết-bàn. Nay ta nên đến chỗ Đức Thế Tôn”.

Các vị thiên cõi Phạm thân nghĩ như thế rồi, liền biến mất tại chỗ, trong khoảng thời gian nhanh như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên.

Vị thiên thứ nhất ở cõi Phạm Thân nói kệ:

*Hiện nay tại rừng này  
Cả đại chúng tập hội  
Thế nên chúng con đến  
Vì muốn xem chúng Tăng  
Không dùng tâm bất thiện  
Hoại phá hòa hợp Tăng.*

Vị thiên thứ hai cõi Phạm thân nói kệ:

*Tỳ-kheo tâm thành thật  
Phải làm việc tinh cần  
Như người khéo chế ngự  
Khiến ngựa phải phục tùng  
Tỳ-kheo cũng như vậy  
Nên chế ngự các căn.*

Vị thiên thứ ba cõi Phạm thân nói kệ:

*Thí như ngựa rừng bị cương cột  
Nhổ trụ vượt hào thoát an ổn  
Các vị Tỳ-kheo cũng như vậy  
Nhổ ba trụ độc, vượt hào dục  
Được Đạo sư Thế Tôn điều phục  
Nên đời có những voi quý lớn.*

Vị thiên thứ tư cõi Phạm thân nói:

*Những người quy y với Phật đà  
Từ bỏ thân người được thân trời.*

Bốn vị trời Phạm thân, mỗi người nói kệ xong, hướng về chúng Tăng cung kính khép nép làm lễ, rồi từ giã.

\*\*  
\*

### 106. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ, vào giữa đêm, vua trời Phạm thiên với hào quang sáng chói, đến gặp Đức Phật.

Khi ấy Thế Tôn nhập pháp tam-muội Hỏa quang. Vua trời Phạm thiên tự nghĩ: “Hiện nay Đức Như Lai đang vào chánh định. Ta đến đây thật trái thời”.

Trong thời gian ấy, thân hữu của Đề-bà-đạt-đà là Tỳ-kheo Cù-ca-lê hủy báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên. Vị Phạm thiên ấy bèn đến chỗ Ca-lê gõ cửa phòng ông ta, gọi:

–Này Cù-ca-lê, Cù-ca-lê, ông nên sanh tâm tịnh tín đối với Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên. Hai vị Tôn giả ấy tâm tịnh, hòa dịu,

phạm hạnh đầy đủ. Ông hủy báng như vậy, sau này phải chịu nhiều đau khổ lâu dài.

Cù-ca-lê hỏi Phạm thiên:

–Ngươi là ai?

Đáp:

–Ta là vua trời Phạm thiên.

Cù-ca-lê nói:

–Đức Phật thọ ký ông đã đắc A-na-hàm phải không?

Phạm thiên đáp:

–Đúng vậy.

Cù-ca-lê nói:

–A-na-hàm nghĩa là không trở lại (*Bất hoàn*). Tại sao ông trở lại?

Vua trời Phạm thiên tự nghĩ: “Những hạng người này không nên nói chuyện với họ”. Phạm thiên nói kệ:

*Muốn lường pháp vô lượng*

*Bậc trí không làm vậy*

*Ai lường pháp vô lượng*.

*Tất phải bị thiêu hại.*

Phạm thiên nói kệ xong, đến chỗ Thế Tôn, đánh lẽ dưới chân Đức Phật, ngồi qua một bên, đem sự việc với lời nói của Cù-ca-lê trình bày đầy đủ với Đức Thế Tôn. Phật bảo Phạm thiên:

–Đúng vậy, đúng vậy. Muốn lường pháp vô lượng, có thể đốt cháy kẻ phàm phu.

Thế Tôn nói kệ:

*Con người sống trong đời*

*Lưỡi búa để trong miệng*

*Do lời ác của họ*

*Tự chặt lấy thân mình*

*Hủy báng bậc đáng khen*

*Ca ngợi kẻ đáng chê*

*Người xấu ác như vậy*

*Không bao giờ an vui.*

*Cù-ca-lê vu báng*

*Với Phật-đà, Hiền thánh*

*Ca-lê bị đọa lạc  
Vào trăm ngàn địa ngục  
Ngay khi A-phù-đà  
Hủy báng bạt Thánh hiền  
Do khẩu ý ác độc  
Đọa vào địa ngục ấy.*

Vua trời Phạm thiên nghe kệ xong, lễ Phật rồi từ giã.



# BIỆT DỊCH KINH TẠP A-HÀM

## QUYẾN VI

### TỤNG 1: Phần 6

#### **107. Tôi nghe như vầy:**

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ có hai vị trời, vị thứ nhất tên là Tiểu Thắng Thiện Bế Phạm, vị thứ hai tên Tiểu Thắng Quang Phạm, cùng muốn đến gặp Đức Phật.

Phạm thiên Bà-già thấy hai vị ấy bèn hỏi:

– Các vị muốn đến đâu?

Hai vị Phạm thiên đáp:

– Chúng tôi muốn đến chỗ Đức Thế Tôn để thăm hỏi, lễ kính.

Phạm thiên Bà-già nói kệ:

*Bốn Phạm tên Hạc Tước  
 Ba Phạm tên là Kim  
 Bảy mươi hai năm trăm  
 Tên gọi là Dư-tỳ  
 Người xem ta sắc vàng  
 Chiếu sáng rất rực rỡ  
 Uy quang minh của ta  
 Ánh sáng che Phạm thiên  
 Tại sao không ngắm ta  
 Mà muốn đến thăm Phật?*

Hai vị trời nói kệ đáp:

*Ngài có chút ánh sáng  
 Chói che cả Phạm thiên  
 Nên biết sắc quang ấy  
 Đều có nhiều nguy hại*

*Bậc minh trí giải thoát  
Nào thích sắc quang này.*

Hai vị trời ấy nói kệ xong, liền đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, ngồi qua một bên, thưa:

—Thưa Đức Thế Tôn, chúng con muốn đến gặp Ngài, vì thế Phạm thiên Bà-già hỏi chúng con: “Muốn đến chỗ nào?” Chúng con đáp: “Muốn đến gặp Đức Phật”. Phạm thiên Bà-già nói kệ:

*“Bốn Phạm tên Hạc Tước  
Ba Phạm tên là Kim  
Bảy mươi hai năm trăm  
Tên gọi là Du-tỳ  
Người xem ta sắc vàng  
Chiếu sáng rất rực rỡ  
Uy quang minh của ta  
Ánh sáng che Phạm thiên  
Tại sao không ngắm ta  
Mà muốn đến thăm Phật?”*

Chúng con nói kệ đáp:

*“Ngài có chút ánh sáng  
Chói che cả Phạm thiên  
Nên biết sắc quang ấy  
Đều có nhiều nguy hại  
Bậc minh trí giải thoát  
Nào thích sắc quang này”.*

Đức Phật nói:

—Này Phạm thiên, đúng vậy! Đúng vậy! Vì Phạm thiên kia tuy có chút ít ánh sáng che cả Phạm thiên, nên biết ánh sáng ấy đều có lối lầm nguy hiểm. Bậc trí hiểu rõ không nên ưa thích nó.

Đức Phật vì hai vị Phạm thiên thuyết giảng giáo pháp khiến họ được lợi ích, vui vẻ.

Hai vị Phạm thiên nghe pháp hoan hỷ đánh lễ, rồi trở về Thiên cung.

**108. Tôi nghe như vầy:**

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy Phạm thiên Bà-ca sanh tà kiến, bày tỏ:

–Chỗ này thường còn vững chắc, không hư hoại, không bị thay đổi trong vòng sanh tử. Nếu ngoài chỗ này ra, có chỗ không bị thay đổi thì không có chuyện ấy.

Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm Phạm thiên Bà-ca, nên chỉ trong khoảng thời gian như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, Đức Như Lai đi đến cung Phạm thiên Bà-ca. Phạm thiên Bà-ca nói với Đức Phật:

–Này Đại Tiên, chỗ này thường còn vững chắc, không hư hoại, không bị thay đổi. Nếu ngoài chỗ này thì không thể nào có chỗ không bị thay đổi.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

–Chỗ này vô thường, tại sao ông sanh vọng tưởng cho là thường? Chỗ này hư hoại, lại sanh vọng tưởng cho là không hư hoại. Chỗ này bất định lại sanh vọng tưởng cho là cố định. Chỗ này thay đổi, lại sanh vọng tưởng cho là không thay đổi. Có thăng xứ khác hoàn toàn không bị thay đổi, ông lại sanh vọng tưởng không có thăng xứ khác.

Phạm thiên Bà-ca nói kệ:

*Bảy mươi hai Phạm tạo thăng phước  
Đều từng qua đời tại chỗ này  
Tất cả Phạm thiên đều biết tôi  
Duy một mình tôi ở đây mãi.*

Thế Tôn nói kệ:

*Ông cho là trường thọ  
Kỳ thật sống ngắn ngủi  
Ta biết thọ mạng ông  
Trăm ngàn Ni-la-phù.*

Phạm thiên Bà-ca nói kệ đáp:

*Bà-ca-bà Thế Tôn  
Trí Ngài thật vô tận*

*Vượt khỏi sanh, lão, ưu  
Vì người đủ mắt nói  
Trước tôi tạo nghiệp gì?  
Tu những giới hạnh gì?  
Được ở trời Phạm này  
Tuổi thọ được dài lâu.*

Thế Tôn nói kệ:

*Thuở xưa có toán giặc  
Cướp đoạt phá xóm làng  
Trấn lột, trói cột người  
Lấy rất nhiều tài vật  
Ông vào lúc bấy giờ  
Có sức khỏe mạnh mẽ  
Cứu giải thoát mọi người  
Làm họ không bị hại  
Ông cùng những người ấy  
Tu thiện trong một kiếp  
Tù bi, ưa bố thí  
Lại thường giữ giới hạnh  
Khi ông thức hay nghỉ  
Đều nhớ bản hạnh mình.  
Lại có người đi thuyền  
Ngay giữa dòng sông Hằng  
Bị rồng ác muốn bắt  
Muốn phun độc làm hại  
Ông là vị Thần tiên  
Cứu cho họ được sống  
Ngày xưa ông đã từng  
Tu giới đến như vậy.*

Phạm thiên Bà-ca nói kệ:

*Ngài thật biết rõ tôi  
Tuổi thọ ngắn và dài  
Lại có những việc khác  
Ngài cũng đều biết rõ*

*Ánh sáng Ngài rực rỡ  
 Che ánh sáng chư Thiên  
 Ngài thông suốt tất cả  
 Nên hiệu Bà-già-bà.*

Bấy giờ Thế Tôn vì Phạm thiên Bà-ca giảng dạy giáo pháp, khiến vị ấy được lợi ích, hoan hỷ, rồi biến mất tại chỗ, trở về Kỳ-hoàn.

\*\*

### 109. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi ấy có một vị Phạm thiên khởi lên tà kiến lớn, bày tỏ:

–Ta ở đây thường tồn, không thấy ai có khả năng sanh vào cung của ta, huống chi có khả năng hơn ta.

Đức Thế Tôn nhập chánh định, biến mất ở cõi Diêm-phù-đề và hiện ra trên đỉnh cõi Phạm thiên, ngồi nơi hư không.

Tôn giả Kiều-trần-như dùng thiên nhãn thanh tịnh quan sát Thế Tôn đang đến đâu, biết Thế Tôn đang ngồi trong hư không, trên đỉnh cõi Phạm thiên, nên Tôn giả Kiều-trần-như cũng nhập định, biến mất ở cõi này, hiện ra trên đỉnh cõi Phạm thiên, bên dưới Đức Như Lai, hướng về phương Đông.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp với thiên nhãn thanh tịnh quan sát Đức Như Lai đến chỗ nào, biết Đức Như Lai đang ở trên đỉnh cõi Phạm thiên, liền nhập định, biến mất ở nơi này, hiện ra trên đầu cõi Phạm thiên, ngồi dưới Đức Như Lai, mặt quay về hướng Nam.

Tôn giả Mục-liên dùng thiên nhãn thanh tịnh quan sát Đức Như Lai đến chỗ nào, biết Đức Thế Tôn đang ở trên đầu cõi Phạm thiên, liền nhập định, biến mất ở nơi này, hiện ra trên đầu cõi Phạm thiên, ngồi dưới Đức Như Lai, mặt quay về hướng Tây.

Tôn giả A-na-luật dùng thiên nhãn thanh tịnh quan sát Đức Như Lai đến chỗ nào, biết Đức Như Lai ở trên đầu cõi Phạm thiên, liền nhập định biến mất ở cõi này, hiện ra trên đầu cõi Phạm thiên, ngồi dưới Đức Như Lai, mặt quay về hướng Bắc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Phạm thiên:

–Ông đã bỏ tà kiến trước đây chưa?

Ngài lại bảo Phạm thiên:

– Tâm niệm của ông trước đây là: “Ta không thấy có người nào có khả năng sanh vào cung của ta, huống chi vượt hơn ta”. Nay ông thử xem các vị Đại nhân này dung mạo quang minh, có hơn ông không?

Phạm thiên bạch Phật:

– Thưa vâng, đã thấy. Nay con nhận ra hào quang của các vị này xưa nay thật chưa từng thấy. Ánh sáng của các vị ấy thù thắng, từ nay về sau con không còn dám nói chỗ này thường tồn, không có thay đổi.

Đức Phật bảo Phạm thiên:

– Chỗ này là vô thường, là không, chẳng tự tại.

Đức Phật vì Phạm thiên ấy giảng thuyết, chỉ dạy khiến vị ấy được lợi ích, hoan hỷ. Sau đó Ngài nhập định, biến mất ở cõi Phạm ấy, trở về Kỳ-hoàn.

Tôn giả Kiều-trần-như, Ma-ha Ca-diếp, A-na-luật... cũng vì vị Phạm thiên ấy giảng thuyết giáo pháp, chỉ dạy tạo mọi lợi ích, hoan hỷ và nhập định biến mất tại chỗ, trở về Kỳ-hoàn. Riêng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vẫn ngồi ở chỗ cũ.

Phạm thiên ấy hỏi Mục Liên:

– Đệ tử của Thế Tôn có vị nào đạt đại uy đức, thần túc như Tôn giả không?

Mục-kiền-liên đáp:

– Các vị Thanh văn khác cũng có uy đức thần túc như vậy.

Tôn giả Mục-kiền-liên nói kệ:

*Đại La-hán đệ tử Mâu-ni  
Có đại uy đức đủ ba minh  
Diệt tận hữu lậu chứng tha tâm  
Thanh văn như vậy số rất nhiều  
Thế nên nay ngươi phải cung kính.*

Tôn giả Mục-kiền-liên nói kệ xong, giảng thuyết giáo pháp, chỉ dạy, đem lại lợi ích, hoan hỷ, sau đó nhập định biến mất tại chỗ, trở về Kỳ-hoàn.

### 110. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Sa-la, thuộc nước Câu-thi-na-kiệt, quê hương của những người lực sĩ. Bấy giờ Đức Như Lai sắp nhập Niết-bàn.

Ngài bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy vì ta trải tòa giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về phương Bắc.

Tôn giả A-nan vâng lệnh Đức Phật, trải tòa giữa hai cây Sa-la, đầu hướng về phương Bắc. Sau khi trải tòa xong, Tôn giả đến chỗ Đức Phật, đánh lỗ dưới chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Đức Thế Tôn, giữa hai cây Sa-la con đã trải tòa đầu hướng về phương Bắc.

Đức Thế Tôn dời chỗ ngồi, đi đến tòa giữa hai cây Sa-la, nằm nghiêng về bên phải, đầu hướng về phương Bắc, hai chân xếp lên nhau, đặt tâm ở ánh sáng, chánh niệm tinh giác, hướng đến Niết-bàn.

Tại nước Câu-thi-na-kiệt, có một Phạm chí tên Tu-bat-dà-la, sống ở nước này đã lâu, tuổi tác quá già: một trăm hai mươi tuổi.

Khi ấy, trong nước ấy, các vị lực sĩ thường cúng dường, cung kính, tôn trọng vị ấy; tán thán cho là vị A-la-hán. Bấy giờ Tu-bat-dà-la nghe mọi người đồn Đức Bà-già-bà trong đêm nay sẽ nhập Niết-bàn, nên suy nghĩ: “Ta đối với pháp còn có chỗ nghi ngờ, chỉ có Đức Cù-dàm mới đủ khả năng giải thích, quyết đoán sự nghi ngờ của ta.”

Tu-bat-dà-la nghĩ như thế rồi liền rời khỏi Câu-thi-na-kiệt, đi đến rừng Sa-la. Tôn giả A-nan đang kinh hành bên ngoài, Tu-bat-dà-la thấy A-nan liền đến gặp và thưa:

–Tôi nghe mọi người nói Sa-môn Cù-dàm trong đêm nay sẽ vào Niết-bàn Vô dư. Hiện tại tôi muốn được gặp Ngài để thưa hỏi về sự nghi ngờ.

A-nan đáp:

–Này Phạm chí, thân Đức Phật đang mệt mỏi, ông lại muốn làm phiền Ngài sao?

Tu-bat-dà-la thưa với A-nan:

—Tôi nghe rằng vào giữa đêm nay, Đức Như Lai nhập Niết-bàn Vô dư. Trước đây tôi đã từng nghe các bậc Tiên kỳ cựu nói: “Đức Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác xuất hiện trên thế gian như hoa Ưu-dàm-bát, rất khó được gặp”. Tôi có chút nghi ngờ, mong muốn được thưa hỏi, giải quyết. Xin cho phép tôi được gặp.

Tu-bat xin như vậy ba lần. A-nan đáp:

—Đừng nên làm phiền Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh từ xa nghe A-nan ngăn Tu-bat-đà không cho tiến vào. Đức Phật bảo A-nan:

—Đừng ngăn người ấy, cho phép ông ta vào, được tùy ý hỏi.

Tu-bat nghe Đức Phật từ bi cho phép đi vào, nên rất vui mừng đến gặp Đức Phật:

—Thưa Thế Tôn, con có ít nghi ngờ, cho phép con được hỏi?

Đức Phật nói:

—Cho phép ông hỏi.

Tu-bat-đà sau khi được Phật đồng ý, bạch Phật:

—Thưa Thế Tôn, sáu vị sư ngoại đạo có ý kiến khác nhau. Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-ca-lê Câu-xa-lệ Tử, A-xà-da Tỳ-la-chỉ Tử, A-xà-da-xí-xá-bà-la-ca, Ni-đà Ca-chiên-diên, Ni-càn-đà Xà-đề Tử, sáu vị thầy ấy đều tự xưng mình là Thế Tôn. Vậy họ có thật chứng đắc Nhất thất trí không?

Đức Phật Thế Tôn nói kệ:

*Ba mươi tuổi xuất gia  
Đến nay năm mươi năm  
Tim cầu các pháp thiện  
Tu chứng Giới, Định, Tuệ  
Chứng sanh trong thế gian  
Không biết phương hướng đúng  
Hướng chỉ biết chánh pháp  
Ai tu Bát chánh đạo  
Chứng được quả Dự lưu  
Cho đến quả thứ tư  
Ai không tu Bát chánh  
Dự lưu còn không biết  
Nói gì quả thứ tư*

*Ta ở giữa đại chúng  
Sư tử gầm thuyết pháp  
Ngoài chánh pháp này ra  
Thật không có Sa-môn  
Và Bà-la-môn quả.*

Khi Đức Phật dạy như vậy, Tu-bat-dà-la liền xa lìa được mọi thứ bụi bặm cẩu nhiễm, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Ông ta sửa y Uất-đa-la-tăng, chắp tay hướng Phật, bạch:

–Thưa Đức Thế Tôn, hiện nay con đã vượt qua ba đường ác.

Tu-bat-dà-la bạch với A-nan:

–Lành thay A-nan, Tôn giả được lợi ích lớn, là đệ tử thi giả của Đức Phật. Hiện nay con cũng được lợi ích trọn vẹn, mong được xuất gia trong Phật pháp.

A-nan chắp tay bạch Phật:

–Tu-bat-dà-la muốn được xuất gia trong Phật pháp.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Tu-bat-dà-la:

–Lành thay! Hãy đến đây Tỳ-kheo!

Tu-bat-dà-la râu tóc tự rụng, thân mặc pháp y, đắc giới cụ túc. Sau khi đắc giới, chứng A-la-hán, Tu-bat-dà-la tự nghĩ: “Nay ta không nỡ nào nhìn thấy Đức Như Lai nhập Niết-bàn. Ta nên nhập trước”.

Tu-bat-dà-la tức thời nhập Niết-bàn trước. Đức Như Lai sau đó cũng nhập Niết-bàn. Lúc ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo nói kệ:

*Nhập diệt nơi song thọ  
Cành nhánh che bốn bên  
Mưa hoa rơi xuống  
Tung rải lên Đức Phật  
Thế Tôn nhập Niết-bàn  
Nên mưa hoa rơi xuống.*

Thích Đề-hoàn Nhân nói kệ:

*Các hành đều vô thường  
Nó là pháp sanh diệt  
Diệt hết sanh diệt rồi  
Đấy gọi là Niết-bàn.*

Vua trời Phạm thiên nói kệ:

*Chúng sanh trong thế gian  
Bồ thân quy về diệt  
Hiện nay Đức Đại Thánh  
Đây đủ cả mười lực  
Thế Tôn, Đáng Vô Thượng  
Nay đã nhập Niết-bàn.*

Tôn giả A-na-luật nói kệ:

*Đáng Pháp Chủ dừng nghỉ  
Hơi thở đã không còn  
Thành tựu của Như Lai  
Hạnh lực đều tròn đủ  
Nay nhập vào Niết-bàn  
Tâm Ngài không sợ hãi  
Xả tất cả các thọ  
Như dầu hết đèn tắt  
Diệt nghiệp, nhập Niết-bàn  
Tâm ý đạt giải thoát.*

Khi mọi người thấy vậy, lông tóc đều dựng ngược. Đức Phật nhập Niết-bàn bảy ngày, Tôn giả A-nan thực hiện việc trà tỳ nhục thân của Đức Như Lai, đi nhiều theo phía phải nói kệ:

*Đức Đại Bi Thế Tôn  
Thân thể như vàng ngọc  
Có sức thần thông lớn  
Thân tự phát lửa đốt  
Ngàn lớp vải quấn thân  
Trong ngoài đều không cháy.*



## TỤNG 2: Phần 1

### 111. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Các ông cần phải siêng năng tu hành thiện hạnh, dần dần tăng trưởng, như mặt trăng mới mọc. Có những Tỳ-kheo vừa mới thọ giới, từ từ tu hạnh tám quý, giữ gìn uy nghi trọng vẹn, du hóa trong nhân gian, nhu hòa kính thuận, không làm việc trái nghịch, chế ngự thân tâm. Như người có mắt sáng tránh những chỗ giếng sâu, gành, bờ núi, Tỳ-kheo cũng như vậy, như mặt trăng bắt đầu mọc, dần dần tăng trưởng, hành động ngày càng tinh tấn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Hiện nay trong hội này, Tỳ-kheo Ca-diếp siêng năng tu thiện hạnh, như mặt trăng mới mọc, dần dần tăng trưởng, dần dần tu hạnh tám quý, du hóa trong nhân gian, chế ngự thân tâm, nhu hòa kính thuận, không trái nghịch lại. Như người mắt sáng có thể tránh giếng sâu, xa lìa hố, bờ núi, Tỳ-kheo Ca-diếp cũng như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Tỳ-kheo như thế nào là tương ứng với pháp, gánh vác được việc đến từng nhà?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, Như Lai là căn bản của các pháp, là Bậc Dẫn Đường, là chỗ nương cậy của các pháp. Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin Ngài vì chúng con diễn giải ý nghĩa này. Chúng con được nghe, sẽ chí tâm thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Chí tâm ghi nhớ! Như có Tỳ-kheo không bị nhiễm đắm, không bị ràng buộc do sự yêu mến gia đình, không có tham hay bót, tâm không tức giận, cũng không ganh ghét, không thấy lợi dưỡng của họ tâm sanh ưa thích. Thấy họ cho người khác cũng không phẫn nộ. Đối với người tu phước đều phát tâm tùy hỷ. Không được tự tán thán đức hạnh của mình. Những lời lẽ nói ra đều vì tất cả. Thấy Tỳ-kheo khác cùng đến nhà người khác,

không chê bai hủy báng. Đối với ta và người, không có tâm so sánh cao thấp. Nếu các Tỳ-kheo thường tu thiện tâm như đã nói ở trên mới được gọi là tùy thuận, như pháp chuyển biến, lui tới khắp nơi trong thế gian.

Khi ấy Đức Thế Tôn di chuyển cánh tay trong không trung, bảo các Tỳ-kheo:

—Hiện nay tay của Ta không bị vướng ở không trung, không bị cột vào khoảng không, không có hiềm khích, không có phẫn nộ, tay này có bị trói buộc, vướng mắc thêm bớt hay không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

· Thưa Thế Tôn, tay ấy ở không trung không bị trói, không bị vướng, không thêm bớt.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

—Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu có Tỳ-kheo tâm không bị trói buộc, như cánh tay di chuyển trong hư không, mới có thể ra vào, qua lại nơi những nhà người, không có thêm bớt, không sanh áo não, không ganh ghét, thấy người được lợi dưỡng tâm sanh hoan hỷ. Thấy người bố thí không cho đến mình cũng không tức giận. Thấy người tu phước đều tùy hỷ cho đến tâm không phân biệt cao thấp.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

—Tỳ-kheo Ca-diếp thực hiện được như vậy, du hóa trong thế gian không bị ràng buộc... *cho đến*... tâm không phân biệt cao thấp.

Đức Phật lại vẫy tay lần thứ hai trên khoảng không, bảo các Tỳ-kheo: (*nói ở trên... cho đến Tỳ-kheo Ca-diếp như vậy*).

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

—Tỳ-kheo ra vào nơi các gia đình, thuyết pháp cho người như thế nào? Như thế nào được gọi là thuyết pháp thanh tịnh? Thế nào gọi là thuyết pháp không thanh tịnh?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

—Thưa Thế Tôn, Như Lai là căn bản của các pháp, là Bậc Dẫn Đường, là chỗ nương cậy của các pháp. Lành thay! Đức Thế Tôn, xin Ngài diễn giải, chúng con nghe rồi chí tâm thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

· Hãy lắng nghe, lắng nghe! Chí tâm ghi nhớ! Như có Tỳ-kheo thuyết pháp cho người, nếu khởi suy niệm: “Ta thuyết pháp cho người

kia, sẽ khiến người ấy kính tín ta, để thường cho ta nhiều thức ăn uống, y phục, thuốc trị bệnh". Ai thuyết pháp vì mục đích ấy gọi là bất tịnh. Nếu có Tỳ-kheo vì người thuyết pháp, muốn người nghe hiểu rõ Phật pháp, trừ khổ hiện tại, xa lìa các phiền não, vượt mọi vướng mắc, hướng dẫn đến chỗ toàn thiện, khiến họ tự thấy rõ, cho đến làm cho người trí tự hiểu được, không phải hiểu bằng lời của người khác. Ngay nơi sự sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não, làm cho thính giả nghe được lời giảng dạy, như pháp tu hành khiến người nghe ở trong cõi sanh tử được đắc pháp, đắc nghĩa, đạt được lợi ích an lạc lâu dài. Người thuyết pháp như vậy gọi là thuyết giảng với lời từ bi, thanh tịnh, thương xót, đem lại lợi ích cho muôn loài, khiến chánh pháp được trường tồn. Thuyết pháp như vậy gọi là thanh tịnh. Thế nên Tỳ-kheo phải suy nghĩ như vậy, vì người thuyết pháp cần phải học hỏi như thế. (*Lần thứ ba cũng nói như trên, Tỳ-kheo Ca-diếp có khả năng thuyết pháp như vậy, khiến thính giả hiểu rõ Phật pháp,... cho đến vì khiến chánh pháp được trường tồn, do đây luôn thương xót, đem lại lợi ích cho chúng sanh*). Nên thuyết pháp như vậy đây gọi là tuyên dương Phật pháp một cách thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### 112. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu có Tỳ-kheo sắp đi đến nhà đàn việt, trước khi đi tự suy nghĩ: "Người nào có cho hãy cho ta nhanh, đừng chậm trễ, hãy chí tâm cho ta, đừng không chí tâm. Ta mong được nhiều, không phải được ít. Hãy cho ta vật tinh khiết mềm mại, không nên thô cứng"; vị ấy suy nghĩ như vậy rồi quyết định đi đến nhà đàn việt. Đàn việt tuy cho nhưng không chí tâm, không cung kính. Tuy họ cho thức ăn nhưng không đầy đủ, cho vật thô cứng không cho vật tinh khiết mềm mại. Nếu họ có cho thì chậm chạp không nhanh nhẹn, nên Tỳ-kheo kia vì không vừa ý, nên xấu hổ buồn rầu, sanh tâm tổn giảm.

Vị Tỳ-kheo ấy phải tự nghĩ: "Ta đến nhà đàn việt, họ chẳng phải

gia đình ta, làm sao vừa lòng ta được. Tại sao ta lại nghĩ: muốn đàn việt cho nhanh, đừng chậm trễ, cả đến cho vật tinh khiết mềm mại, đừng có thô cứng". Nên suy nghĩ như vậy: "Nếu như không được gì, tâm ta cũng không hối hận, xa lìa tăng giảm, không có tức giận. Cũng vậy nếu như đàn việt cho ít, cho không chí tâm, chậm trễ không nhanh,... cho đến cho vật thô cứng, không cho vật tinh khiết mềm mại". Như vậy Tỳ-kheo tâm không tức giận, cũng không xấu hổ, tâm không tăng giảm.

Tỳ-kheo Ca-diếp cũng có tâm niệm như vậy. Khi đến chỗ đàn việt, Tôn giả suy nghĩ: "Nơi đó chẳng phải nhà cửa ta, tại sao muốn được vừa với ý của ta? Tức mong muốn họ cho nhanh không chậm... cho đến vật tinh khiết mềm mại, đừng cho vật thô cứng". Tỳ-kheo Ca-diếp tự nghĩ: "Ta đến nhà đàn việt, tuy không được cho vẫn không xấu hổ, tâm không tổn giảm".

Vì thế, Tỳ-kheo nên suy nghĩ thế này: "Ta đến nhà đàn việt không nên sanh ý niệm: hãy mau đem cho ta... cho đến tinh khiết mềm mại".

Thế nên, này các Tỳ-kheo, cần phải học như Tỳ-kheo Ca-diếp trong khi đến nhà đàn việt.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### 113. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở giảng đường Tỳ-xá-khu, trong khu lâm viên cũ tại Xá-vệ. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vào đêm ấy xuất định. Sau khi xuất định, Tôn giả đến gặp Đức Phật, đánh lễ nơi chân Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông hãy chỉ dạy, trao truyền cho các Tỳ-kheo, hướng dẫn họ về pháp thiền định, giảng dạy pháp cốt yếu. Vì sao? Ta thường làm công việc chỉ dạy, trao truyền cho các Tỳ-kheo ấy, ông cũng làm như vậy. Ta thường vì các Tỳ-kheo giảng dạy pháp quan trọng, ông cũng làm như Ta.

Ca-diếp bạch Phật:

– Các Tỳ-kheo ấy không thể dạy dỗ, khó hướng dẫn trao truyền.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

– Hiện nay, ông vì nhân duyên gì mà không thuyết pháp cho họ?

Ca-diếp bạch Phật:

– Nay có hai Tỳ-kheo, một là đệ tử cùng đi với Tôn giả A-nan, tên Nan-đồ; thứ hai là đệ tử của Tôn giả Mục-liên, tên là A-tỳ-phù. Hai đệ tử này thường tranh hơn thua. Họ đều tự cho là: “Tri kiến của tôi hơn, lời nói của tôi hơn”. Họ giằng co nhau, quyết định hơn kém về tri kiến và bằng lời lẽ: “Tôi nói hay, hoặc là ông nói hay, câu và nghĩa của tôi đầy đủ, hoặc là câu và nghĩa của ông đầy đủ”.

Bấy giờ Tôn giả A-nan đang quạt hầu Thế Tôn. A-nan nói với Ca-diếp:

– Thưa Tôn giả, hãy bỏ qua đi! Cho phép tôi được sám hối. Tỳ-kheo như thế vì mới vào Phật pháp, ngu si không trí, chưa có sự hiểu biết.

Tôn giả Ca-diếp bảo Tôn giả A-nan:

– Thôi đi A-nan, Tôn giả chớ nên ở giữa Tăng chúng phát biểu lời thiên vị.

Thế Tôn sai một vị Tỳ-kheo:

– Ông hãy đi gọi hai Tỳ-kheo ấy đến đây.

Tỳ-kheo kia vâng lệnh, đi gọi hai Tỳ-kheo:

– Thế Tôn gọi các ông!

Hai Tỳ-kheo vâng lệnh gọi, liền đến chỗ Đức Phật, đánh lê nơ chân Ngài, đứng qua một bên. Thế Tôn bảo hai Tỳ-kheo:

– Cả hai người thật có nói thế này: “Tôi đọc tụng nhiều, tôi hiểu biết nhiều, lời lẽ văn kệ tôi nói không sai”. Các người muốn tranh hơn thua, có phải không?

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật lại dạy:

– Nếu hai ông hiểu lời Ta giảng dạy như Tu-đa-la, Kỳ dạ, Thọ ký, Thuyết kệ, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, Bản sanh, Tỳ Phật lược, Vị tăng hữu, Ưu-ba-đề-xà, Bốn sự, là mười hai bộ. Nếu đọc tụng thông thạo thì trong những kinh ấy có nói sự hơn thua hay không?

Hai Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn, trong mươi hai bộ này, thật không có nói như vậy.

Đức Phật lại bảo hai Tỳ-kheo:

- Mươi hai bộ kinh được thuyết ra là nhằm diệt trừ sự tranh tụng hơn thua. Nay hai ông tại sao lại có lời lẽ như thế? Các người là người ngu tối nên mới nêu bày như vậy. Chẳng lẽ Ta không có nói như vậy hay sao: “Ai phát sanh tranh tụng thì không đúng với Phật pháp, lại không đúng với pháp xuất gia”. Trong Phật pháp của Ta, không bao giờ có chuyện tranh nhau: tôi thắng người thua, cho đến... pháp cứ được tôi nói với nghĩa đầy đủ, pháp người nói thì nghĩa không đầy đủ. Tranh tụng như vậy thật không phải là lời Ta dạy. Nay hai Tỳ-kheo, sự việc như thế, các ông có nên làm không?

Khi ấy hai Tỳ-kheo lạy sát chân Đức Phật, bạch:

- Chúng con nghe lời Phật dạy, tự biết mình có lỗi, thật như đứa bé ngu si không hiểu biết, làm việc không nên làm, làm việc bất thiện, cùng nhau tranh cãi, quyết định hơn thua, thật là có lỗi. Cầu mong Thế Tôn thương xót, cho chúng con được sám hối.

Đức Phật dạy:

-- Biết các ngươi thành tâm, ân cần sám hối, các ngươi thật như đứa bé ngu, chưa biết gì cả, hành động bất thiện, không đúng lời Phật dạy, không đúng pháp xuất gia, mới tranh hơn thua. Ai cũng nói mình biết nhiều, cho nên bảo lời tôi nói cú nghĩa đầy đủ, lời người kia nói không đầy đủ. Tranh hơn thua như vậy thật không nên làm. Nay Ta nhận sự thành tâm sám hối của các ngươi, để các ngươi được tăng trưởng các pháp thiện, không có thoái thất. Tại sao? Người nào thành tâm, thật biết có tội, sau đó sám hối, quyết không làm nữa. Người sám hối như vậy thì các pháp lành tăng trưởng, không hề bị thoái chuyển, hủy hoại.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*\*

**114. Tôi nghe như vậy:**

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp ở giảng đường Tỳ-xá-khư, nơi khu

lâm viên cũ. Tôn giả Ca-diếp vào chiếu tối, xuất thiền đi đến chỗ Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông hãy chỉ dạy trao truyền cho các Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho họ. Tại sao? Ta luôn làm công việc chỉ dạy trao truyền cho họ, ông cũng nên làm như vậy. Ta thường vì các Tỳ-kheo thuyết pháp, ông cũng nên như thế.

Ca-diếp bạch Phật:

–Các Tỳ-kheo ấy khó có thể giảng dạy, trao truyền. Họ không chịu nghe lời chỉ giáo.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Hiện tại, ông thấy có nhân duyên gì mà không muốn thuyết pháp?

Ca-diếp thưa:

--Người nào không có lòng tin, thoái thất đối với pháp thiện liền sanh biếng nhác, không có hổ thẹn, ngu si vô trí, tham đắm vật của kẻ khác, có tâm phẫn nộ, gây hại, bị che đậm do phiền não vây phủ, dao động không dừng, đối với pháp có nghi ngờ, cố chấp, ngã kiến, tâm đầy phiền não cấu uế, ưa sân hận, thất niệm, không lúc nào định tĩnh. Người nào có đủ các pháp bất thiện ấy thì không còn có một chút pháp thiện nào, huống chi nói tới việc làm tăng trưởng pháp thiện, khiến không bị thoái chuyển, hủy hoại.

Nếu người nào có đầy đủ tín tâm, không thoái thất các pháp thiện thì tinh tấn không biếng nhác, thường biết hổ thẹn. Người có trí thực hành đủ các pháp thiện, không có tướng tham, xa lìa sân hận, hiềm khích, trừ bỏ sự tham đắm về ngủ nghỉ, tâm không xao động, không có nghi ngờ, không chấp thân kiến, tâm tịnh vô nhiễm, không ưa phẫn nộ, trụ tâm chánh niệm, đầy đủ thiền định, không thoái thất pháp thiện. Người nào có đầy đủ các pháp thiện như trên, con không hề nói người ấy bị dừng lại trong pháp thiện, huống chi nói là không tăng trưởng. Những người như vậy, ngày đêm pháp thiện luôn tăng trưởng.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Ai không có lòng tin, thoái thất với pháp thiện... *cho đến* những người như vậy là không thể có một chút thiện, huống chi nói tới việc tăng trưởng. Còn người

nào có đầy đủ lòng tin, không thoái thất pháp thiện... *cho đến* ta không hề nói người ấy bị dừng lại trong pháp thiện, huống chi nói là không tăng trưởng các pháp thiện.

Lúc ấy các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### 115. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp trú ở giảng đường Tỳ-xá-khu thuộc khu lâm viên cũ.

Tôn giả Ca-diếp vào chiếu tối, xuất thiền, đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Phật bảo Ca-diếp:

—Ông có thể giảng dạy, trao truyền cho các Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho họ. Tại sao? Ta luôn làm công việc chỉ dạy, trao truyền cho họ, ông cũng nên như vậy. Ta thường vì các Tỳ-kheo thuyết giảng pháp quan trọng, ông cũng nên như thế.

**Ca-diếp bạch Phật:**

—Thưa Thế Tôn, các Tỳ-kheo ấy không chịu nghe lời dạy, khó dẫn dắt trao truyền.

**Đức Phật bảo Ca-diếp:**

· Ông vì sao không làm công việc giảng dạy, trao truyền, không thuyết pháp cho họ?

**Ca-diếp đáp:**

—Thế Tôn là căn bản của pháp, là người dẫn đường, là chỗ nương tựa của pháp. Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin Ngài diễn giải, con được lãnh hội, chí tâm trì thọ.

**Đức Phật bảo Ca-diếp:**

—Nay ông hãy lắng nghe, ghi nhớ, thọ trì. Ta sẽ vì ông phân biệt, giảng giải.

**Ca-diếp bạch Phật:**

—Xin vâng, Thế Tôn, con rất muốn nghe.

**Đức Phật bảo Ca-diếp:**

—Trước đây có Tỳ-kheo tu theo hạnh A-luyện-nhã, tán thán, người tu hạnh A-luyện-nhã, đi khất thực mặc y phẩn tảo, tán thán

người khất thực mặc y phẩn tảo, ít dục biết đủ, thường ưa thích chỗ yên tĩnh vắng lặng, tinh tấn tu tập, tâm không tán loạn, thường vui với thiền định, tự sạch các lậu, tán thán người dứt sạch các lậu. Vì vậy, tất cả các Tỳ-kheo đều luôn đến thăm hỏi gần gũi. Các Tỳ-kheo đều nói với vị ấy:

–Thiện lai Tỳ-kheo! Xin mời ngồi chỗ này. Hiền giả tên gì? Đệ tử của ai? Hành hóa hiền thuận, ứng hợp pháp Sa-môn, làm người xuất gia cần phải như Hiền giả, hành hóa đúng pháp Sa-môn. Ai được thấy Hiền giả, tu tập theo pháp của Hiền giả, không bao lâu sẽ thu đạt được tự lợi.

Tỳ-kheo mới tu học, thấy được sự việc này, tự suy nghĩ: “Ở đó có vị Tỳ-kheo được mọi người cùng nhau cung kính. Nay ta cũng nên tu tập theo hạnh của vị ấy. Vì ấy tự tu hành hạnh A-luyện-nhã, tán thán người tu hạnh A-luyện-nhã, đi khất thực, mặc y phẩn tảo, tán thán người đi khất thực mặc y phẩn tảo, ít dục biết đủ, thường ưa thích chỗ yên tĩnh vắng vẻ, tinh tấn tu tập, tâm không tán loạn, thường vui với thiền định, tự đoạn sạch các lậu, tán thán người dứt sạch các lậu. Vì lý do ấy, tất cả Tỳ-kheo đều đến thăm hỏi gần gũi an ủi. Các Tỳ-kheo nói với vị Tỳ-kheo ấy: “Thiện lai Tỳ-kheo! Xin mời ngồi chỗ này. Hiền giả tên gì? Đệ tử của ai? Hành hóa hiền thuận, ứng hợp pháp Sa-môn, làm người xuất gia cần phải như Hiền giả, hành hóa đúng pháp Sa-môn. Ai được thấy Hiền giả, tu tập theo hạnh của Hiền giả, không bao lâu sẽ thu đạt được tự lợi”.”

Các vị mới tu học, ai có ý nghĩ này thì được lợi ích lâu dài, được tốt đẹp, được an lạc. Đây gọi là tự cứu độ, có khả năng khiến chánh pháp được tồn tại lâu dài ở thế gian. Người này luôn tiến bước không bị thoái chuyển.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Như có Tỳ-kheo, đời này có phước báo, mới vừa xuất gia đã được nhiều lợi dưỡng về y phục, thuốc thang, giường nằm, ngọa cụ, bốn món cũng dường luân đầy đủ, sung túc. Lại có Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo này tìm đến gần gũi nói chuyện, thăm hỏi. Tỳ-kheo kia nói với Tỳ-kheo này:

–Hiền giả tên gì? Là đệ tử của vị nào, đời này có phước báo, được nhiều lợi dưỡng về y phục, thuốc thang, giường nằm, ngọa cụ,

bốn thứ đầy đủ. Có Tỳ-kheo nào gần gũi với Hiền giả thì tứ sự không thiếu.

Nếu có Tỳ-kheo mới tu học, thấy sự việc ấy, suy nghĩ: “Nơi đó có Tỳ-kheo với đời sống nhiều phước báo, được mọi người cung kính. Nay ta nên tu hạnh như vậy, thì y phục, ngoại cụ, thức ăn uống, thuốc thang, bốn thứ cúng dường cũng đều sung túc”. Tỳ-kheo mới tu học nào tác ý như vậy, học sự việc như vậy thì bị hao tổn lâu dài, không có lợi ích, an vui gì cả, hành hóa không đúng với pháp của Sa-môn, chịu nhiều khổ hoạn, gọi là tự khinh hủy, phạm hạnh không đứng vững, chìm trong bùn lầy, bị điều xấu ác lừa dối, kết sử trói buộc, thường thọ nhiều nghiệp, phiền não luôn phát sanh quả báo khổ, chắc chắn mãi chịu sanh, lão, bệnh, tử.

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp và các Tỳ-kheo nghe theo lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### 116. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở giảng đường Tỳ-xá-khu, thuộc khu lâm viên cũ. Tôn giả vào buổi chiều tối, xuất thiền, đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp:

—Nay ông đã già, tuổi tác lớn, sức lực suy yếu, mặc y phẩn tảo vải gai này thô xấu, dày nặng. Nay ông nên vào ở cùng trong Tăng, ăn uống theo các vật dùng của Tăng. Đàn việt cúng y thì cắt và nhuộm cho hoại sắc để mặc.

Ca-diếp bạch Phật:

—Thưa Thế Tôn, y vá này con dùng đã lâu. Con cũng tán thán người mặc y vá. Làm sao có thể bỏ được?!

Đức Phật bảo Ca-diếp:

—Ông thấy người mặc y vá có lợi ích tốt đẹp gì mà ưa thích mặc mãi; tự hành hạnh A-luyện-nhã, tán thán người hành A-luyện-nhã; tự mình khất thực, tán thán người khất thực?

Ca-diếp bạch Phật:

—Thưa Thế Tôn, con thấy người mặc y vá có hai điều lợi: ngay

đời hiện tại sống an lạc, trong đời vị lai vì các Tỳ-kheo làm sáng tỏ giáo pháp, Khiến cho người đời sau học tập. Những người đời sau sẽ có ý nghĩ: “Thuở xưa, khi Đức Phật còn tại thế, các Đại Tỳ-kheo luôn dốc tu tập phạm hạnh, an lạc trọn vẹn với Phật pháp, thông đạt đường lối của giáo pháp, ít dục, biết đủ; tự hành hạnh A-luyện-nhã, tán thán người hành hạnh A-luyện-nhã; mặc y phẩn tảo, tán thán người mặc y phẩn tảo; thứ lớp đi khất thực, tán thán người khất thực”. Người trong đời vị lai phần nhiều sanh ý nghĩ này, mến mộ pháp ấy, tạo nên hành động cứu độ, đem lại lợi ích tốt đẹp, an lạc.

Đức Phật khen ngợi Ca-diếp:

–Lành thay, lành thay! Nếu ông hành hóa như vậy ở trong cõi sanh tử, mãi mãi thương xót thế gian, tạo lợi ích rộng khắp, vì hành động cứu giúp, đem lại nghĩa lợi, an lạc.

Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào hủy báng người tu hạnh Đầu đà là hủy báng Ta. Ai tán thán công đức của hạnh Đầu đà, những người ấy đã tán thán Ta. Vì sao? Vì Ta đã dùng nhiều nhân duyên với vô số phương tiện tán thán công đức đạt được do tu hạnh Đầu đà, an lập hạnh Đầu đà, tán thán hạnh Đầu đà là hơn hết trong các hạnh. Ông từ nay về sau nên hành hạnh A-luyện-nhã tán thán những người thực hành hạnh A-luyện-nhã.

Đại Ca-diếp cùng các Tỳ-kheo nghe lời Đức Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### 117. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở nơi xa xôi vắng vẻ, y phục cũ rách, bạc màu sắc, râu tóc đều dài, đi đến gặp Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng vây quanh. Các Tỳ-kheo thấy Tôn giả Ca-diếp đều suy nghĩ: “Vì Tôn giả kia không biết uy nghi phải có của người xuất gia, màu y trở nên bạc nhớp, râu tóc dài, uy đức không đầy đủ.”

Lúc đó Đức Thế Tôn biết ý nghĩ của các Tỳ-kheo, muốn khiến

cho họ sanh tâm kính trọng mến chuộng, nên thấy Ca-diếp từ xa đến, liền bảo Tôn giả:

—Lành thay! Ca-diếp hãy tới đây, cho phép ông ngồi vào nửa tòa của Ta. Ta đang suy nghĩ: “Ông xuất gia trước, Ta xuất gia sau.” Thế nên Ta mời ông cùng ngồi một tòa với Ta.

Ma-ha Ca-diếp nghe lời dạy này của Đức Phật, rất kinh sợ, bàng hoàng, vội đứng dậy chấp tay đảnh lễ dưới chân Phật, bạch:

—Thưa Thế Tôn, Ngài là Đại sư, con là đệ tử. Tại sao được cùng thầy ngồi chung một tòa?

Tôn giả thưa ba lần như vậy, Đức Phật bảo Ca-diếp:

—Đúng như lời ông nói, Ta là Thầy, ông là đệ tử.

Đức Phật lại bảo Ca-diếp:

—Ông nên ngồi nơi chỗ ngồi thích ứng.

Tôn giả Ca-diếp vâng lời Đức Phật, trải tòa và ngồi. Khi ấy Đức Thế Tôn muốn cho các Tỳ-kheo tăng trưởng lợi ích, chấn bổ điều ác, tự chê trách mình, vì muốn tán thán công đức của Ma-ha Ca-diếp để họ tôn trọng như Phật, nên bảo các Tỳ-kheo:

—Ta tu định lìa dục, nhập định sơ thiền, tác ý suy nghĩ. Tỳ-kheo Ca-diếp cũng tùy ý muốn lìa dục, ác, bất thiện, có giác, có quán, nhập vào sơ thiền, cả ngày lẫn đêm. Ta tùy ý muốn vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, Ca-diếp cũng vậy. Nếu Ta phát tâm muốn nhập tâm Từ, không có tâm oán giận, không có tâm phiền não, tâm hiện rộng khắp, tu tâm vô lượng, ở phương Đông dụng tâm như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, trên dưới cũng dụng tâm này, trong ngày hay đêm, Ta tùy ý tu tâm ấy, Ma-ha Ca-diếp cũng như vậy, tùy ý muốn nhập tâm Từ, không có tâm oán giận, không có tâm phiền não, tâm hiện rộng khắp, khéo tu tâm vô lượng, dụng tâm này ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng trên dưới cũng dụng tâm ấy. Nếu Ta tu tâm Bi, Hỷ, Xả, trong suốt ngày đêm, tùy ý nhập tâm này, Ma-ha Ca-diếp cũng như vậy, trong suốt ngày đêm cũng nhập tâm ấy. Ta muốn diệt trừ phiền não, từ khước sắc tưởng, trừ nhiều loại tưởng, nhập vô biên hư không, tùy ý trong cả ngày đêm thường nhập định này. Thức xứ, Bất dụng xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng như vậy. Khi Ta muốn nhập các định về thần thông, có thể với một thân hóa ra vô lượng thân, với vô lượng thân hợp thành một

thân. Ta muốn quan sát các phương trên dưới, nhập vào vách đá không bị chướng ngại cũng như vào hư không, nằm ngồi trong hư không như vua loài nhạn, đi vào đất như xuống nước, đi xuống nước như trên đất, thân đến trời Phạm thiên, cũng như tay sờ mặt trời, mặt trăng. Trong ngày hay đêm Ta tùy ý muốn tu định này, Tỳ-kheo Ca-diếp cũng như vậy, tùy ý muốn nhập vào định về thần thông kia, có thể với một thân hóa ra vô lượng thân, từ vô lượng thân hoàn lại một thân. Quan sát bốn phương trên dưới, có thể với thân này nhập vào vách đá không bị chướng ngại như nhập vào hư không, nằm ngồi trên hư không như vua loài nhạn, đi vào đất như xuống nước, đi dưới nước như trên đất, thân lên đến cõi Phạm thiên, sờ vỗ mặt trời, mặt trăng thì tùy ý muốn ngày đêm nhập vào định này. Thiên nhãn, thiên nhĩ và tha tâm trí, túc mạng, lậu tận cũng như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở giữa đại chúng tán thán công đức của Tôn giả Ca-diếp, tôn trọng như vậy, với nhiều việc tu tập, thể hiện bằng Ngài.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### 118. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, rồi núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả A-nan đều ở trong núi Kỳ-xà-quật. Đến giờ ăn, A-nan nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Thưa Đại đức, đã đến giờ ăn, có thể cùng đi khất thực.

Bấy giờ Ma-ha Ca-diếp mặc y, cầm bát, cùng A-nan ra khỏi núi Kỳ-xà-quật, vào thành Vương xá khất thực. A-nan nói với Tôn giả Ca-diếp:

–Trời còn sớm, con muốn đến tinh xá của chúng Tỳ-kheo-ni quan sát pháp thức tu hành của các Tỳ-kheo-ni.

Ca-diếp đáp:

–Được!

Cả hai cùng đến tinh xá của Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni từ xa thấy hai Tôn giả đến, liền sắp đặt chỗ ngồi. Sau khi bày biện tòa xong, họ mời hai Tôn giả ngồi vào tòa ấy. Hai vị Tôn giả liền an tọa.

Các Tỳ-kheo-ni thấy hai vị đã an tọa, liền lạy sát chân, đứng qua một bên. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp vì các Tỳ-kheo-ni thuyết giảng giáo pháp, chỉ dạy, khiến họ đạt được lợi ích hoan hỷ.

Trong chúng ấy có Tỳ-kheo-ni tên Thâu-la-nan-đà, nghe giảng pháp quan trọng ấy, tâm không ưa thích, liền nói ra lời ác:

– Hiện nay, tại sao Trưởng lão Ca-diếp ở trước mặt Tôn giả A-nan vì các Tỳ-kheo-ni thuyết giảng giáo pháp? Như người bán kim, đến cửa thợ làm kim muốn bán kim thì không thể nào bán được. Hiện nay, Tôn giả Ca-diếp cũng như vậy, tại sao ở trước mặt Tôn giả A-nan mà giảng thuyết giáo pháp?

Tỳ-kheo-ni này nói như vậy rồi im lặng đứng yên. Ma-ha Ca-diếp với thiên nhĩ thanh tịnh, nghe lời nói này, bảo với Trưởng lão A-nan:

– Ông có nghe Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà tâm không hoan hỷ, bày tỏ lời nói thô không?

Tôn giả A-nan nói với Ca-diếp:

– Cô ấy nói gì?

Ca-diếp đáp:

– Cô ấy nói: “Tại sao Tôn giả Ca-diếp ở trước mặt Tôn giả A-nan Tỳ-đề-hê Tử Mâu-ni mà giảng nói giáo pháp, cho ông giống như con người thợ làm kim, cho ta như người bán kim.

Tôn giả A-nan nói với Tôn giả Ca-diếp:

– Thôi thôi, Tôn giả! Họ còn trẻ con, ngu si ít hiểu biết, không đáng trách. Cầu mong Đại đức cho họ sám hối.

Ca-diếp bảo Tôn giả A-nan:

– Đức Như Lai, Thế Tôn, Đa-dà-a-già-độ A-la-ha Tam-miệu-tam-phật-đà đã thuyết giảng, hướng dẫn bằng thí dụ về mặt trăng, ngày càng lớn dần, có thể đủ hổ thẹn, xa lìa việc không biết hổ thẹn, nhẫn nhục đối với sự mạ lỵ, chế ngự thân tâm, qua lại trong nhân gian, Ngài nói ta hay ông giống như mặt trăng kia?

Tôn giả A-nan đáp:

– Đức Như Lai Thế Hùng thật sự không nói con giống như mặt trăng kia.

Ca-diếp lại nói:

– Chỉ có Đức Phật, Thế Tôn, Vô Thượng Sĩ, Ứng Cúng, Chánh

Đảng Giác Tri đã nói rõ rằng ta cũng như mặt trăng khi mới mọc, dần dần tăng trưởng, đầy đủ sự hổ thiện, xa lìa việc không biết hổ thiện, nhẫn nại đối với sự mạ ly, chế ngự thân tâm, qua lại nơi những gia đình ở thế gian!

A-nan bạch:

–Đúng vậy.

Tôn giả Ca-diếp bảo với Tôn giả A-nan:

–Đức Như Lai, Thế Tôn ở trước vô lượng trăm ngàn đại chúng, khen tên họ của ta: “Vị Đại đức này là người có tầm quý, trí tuệ sâu xa, tương tự như Ta”. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Nay Ta là dục ác, bất thiện, có giác, có quán, hỷ lạc nhất tâm, nhập Sơ thiền, ngày đêm thường trú trong định này. Tỳ-kheo Ca-diếp cũng thường là dục, ác, bất thiện, có giác, có quán, hỷ lạc nhất tâm nhập Sơ thiền, ngày đêm thường trú trong định này”.

A-nan đáp:

–Thưa Tôn giả Ca-diếp, đúng như vậy. Nhị thiền, Tam thiền, Tư thiền, Từ, Bi, Hỷ, Xả và bốn thiền định, ba minh, sáu thông cũng như vậy.

Khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở trước đại chúng Tỳ-kheo-ni, đã giảng nói, nêu bày như tiếng gầm của sư tử, rồi rời khỏi chỗ ngồi, trở về nơi mình ở.

\*\*  
\*

### 119.

Bấy giờ Đức Như Lai sắp nhập Niết-bàn. Tôn giả A-nan, Ma-ha Ca-diếp ở tại núi Kỳ-xà-quật.

Thời gian ấy trong dân gian gặp lúc đói kém, rất khó khất thực. Do đó Tôn giả A-nan đưa các Tỳ-kheo mới tu học đi về khu xóm Nam sơn. Trong số Tỳ-kheo mới tu học có các Tỳ-kheo trẻ tuổi ưa thích đùa giỡn, ham thích ăn uống, không giữ gìn các căn, không có uy nghi, đầu đêm cuối đêm, không siêng năng hành đạo, đọc tụng kinh điển, thường nằm nghiêng xuống đất theo phía bên trái, mặc tình ngủ nghỉ.

Sau khi đến nơi ấy, trong số các Tỳ-kheo có hơn ba mươi người bỏ đạo hoàn tục. Vì lý do này, đồ chúng giảm xuống còn ít. Sau khi du hành, họ trở về đại thành Vương xá, vào núi Kỳ-xà-quật, thu xếp y bát, rửa sạch chân, đi đến chỗ Tôn giả Ca-diếp, lạy sát chân Tôn giả, ngồi

qua một bên. Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi A-nan:

—Ông từ đâu đến? Đồ chúng sao ít vậy?

A-nan đáp:

—Con đi đến khu xóm Nam sơn, trong số đệ tử có hơn ba mươi người, trước đây đều là đồng chân xuất gia, đã bỏ đạo hoàn tục, vì lý do này nên đồ chúng còn ít.

Ma-ha Ca-diếp bảo A-nan:

—Vì sao Đức Như Lai đã chế ra pháp “Biệt chúng thực”, mà ông lại cho phép ba người cùng ăn một chỗ? Ý nghĩa của việc cấm chế như vậy là muốn giúp đỡ cho nhiều người, khiến họ không bị tổn giảm, lại nhằm chế ngự các dục xấu ác nơi các Tỳ-kheo, ngăn trừ kẻ có nhiều quyền thuộc, lấy danh nghĩa của Tăng chúng, mong cầu cho nhiều, làm hao tổn của cải nơi nhiều nhà, phá bỏ chúng Tăng, chia rẽ làm hai phe, khiến cho Tỳ-kheo đúng như pháp không được cúng dường y phục, thức ăn, Tỳ-kheo phi pháp thì được nhiều lợi dưỡng. Tỳ-kheo tham dục xấu ác đã được lợi dưỡng rồi lại tranh tụng với các bậc tịnh hạnh. Vậy vì sao ông, vào lúc dân gian đói kém, lại nhận nhóm Tỳ-kheo mới tu học trẻ tuổi ấy làm đồ chúng? Những Tỳ-kheo này ưa thích đùa giỡn, ham thích việc ăn uống, các căn tán loạn, không có uy nghi, mặc sức ngủ nghỉ, không biết đủ, đầu đêm cuối đêm không siêng năng hành đạo, đọc tụng kinh điển. Tại sao với đồ chúng như vậy mà du hành đến khu xóm Nam sơn. Khi đến chỗ kia, hơn ba mươi người trước đây đều là đồng tử xuất gia, đều bỏ đạo hoàn tục. Nay ông như thế là đã phá hoại đồ chúng, thật là vô trí cũng như trẻ con.

A-nan đáp:

—Nay tôi đã lớn tuổi, tại sao Tôn giả nói tôi như trẻ con?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

—Chẳng phải vô cớ ta nêu tên họ ông, gọi là trẻ con. Hiện nay gặp lúc đói kém, khát thực khó khăn. Tại sao ông lại đưa nhiều người du hành đến khu xóm Nam sơn? Trong nhóm đệ tử của ông có những người trẻ tuổi ưa thích đùa giỡn, tham lam ăn uống, các căn tán loạn, không có uy nghi, ưa thích ngủ nghỉ, không biết chán, đầu đêm cuối đêm không siêng năng hành đạo, đọc tụng kinh điển, đến nỗi hơn ba mươi người bỏ đạo hoàn tục. Xử lý sự việc như vậy chẳng phải là trẻ con hay sao?

Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Đế-xá-nan-đà nghe Tôn giả Đại Ca-diếp chê trách Tôn giả A-nan làm việc như trẻ con, nên tâm không vui, rất buồn bức, bày tỏ lời ác:

–Đại Ca-diếp này vốn là ngoại đạo, mà nay tại sao chê mắng Tôn giả A-nan Tỳ-đè-ê-mâu-ni là làm việc như trẻ con?

Tôn giả Ca-diếp, với thiên nhãn thanh tịnh, nghe Tỳ-kheo-ni phát ra lời thô hùy báng này rồi, nên bảo A-nan:

–Tỳ-kheo-ni Đế Xá Nan-đà trong tâm không vui, phát sanh khổ não lớn, bày tỏ lời ác: “Đại Ca-diếp này vốn là ngoại đạo, tại sao chê trách Tôn giả A-nan Tỳ-đè-ê-mâu-ni hành động như trẻ con?”.

Tôn giả A-nan thưa với Tôn giả Ca-diếp:

–Tỳ-kheo-ni này còn nhỏ tuổi, kém trí, cũng như trẻ con, cầu mong Đại đức cho họ sám hối.

Ma-ha Ca-diếp bảo A-nan:

–Khi ta xuất gia, phát thệ nguyện: “Thế gian, nếu có bậc A-la-hán, ta sẽ quy y. Từ khi xuất gia đến nay, chẳng có hướng về đường khác, chỉ nương tựa nơi Đức Như Lai Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Trước đây, khi ta còn ở thế gian, lúc chưa xuất gia, quan sát khắp cõi đời đều là sự tụ tập các khổ về sanh, lão, bệnh, tử, sầu, bi, ưu, não, những việc này luôn tranh nhau đến bức bách. Bấy giờ, lúc ta chán sự phiền não của đời sống gia đình, không có gì vừa ý, ưa thích pháp xuất gia, có thể xa lìa bụi bặm cầu nhiệm. Ta xem xét cuộc sống tại gia vốn nhiều sự ồn ào, cũng như đi vào trong rừng nhiều gai móng, bị gai đâm móng kéo, khiến thân thể bị thương, y phục bị rách, khó thoát ra được. Đời sống tại gia cũng vậy, nhiều duyên sự trói buộc, chìm trong bùn dục, không thể tu hành phạm hạnh thanh tịnh. Ngày đêm suy nghĩ, không thấy một pháp nào hơn pháp xuất gia cạo bỏ râu tóc, mặc pháp y, từ bỏ gia nghiệp vì lòng tin xuất gia. Lúc sắp xuất gia, chọn lựa loại y áo tắm thường nhất trong nhà, được một áo xấu, vây mà giá trị còn đến mươi vạn lượng vàng bèn lấy áo ấy làm Tăng-già-lê. Ta bỏ tất cả sản nghiệp đã có và xa lìa hết quyền thuộc thân thích. Lại suy nghĩ: “Trên thế gian nếu có vị A-la-hán nào ta sẽ quy y, theo vị ấy xuất gia”. Khi đó, trong đại thành Vương xá, có La-la-kiền-đà. Tại chỗ La-la-kiền-đà, nơi có nhiều tháp, ta được gặp Đức Thế Tôn dung mạo trang nghiêm đặc biệt, các căn tịch định, tâm ý điềm đạm, tâm đạt được sự

điều phục vô thượng, tướng hảo sáng rực như lầu bằng vàng ròng. Khi ta được thấy Đức Thế Tôn, trong tâm rất kích động, tự nghĩ: “Trước đây, ta cầu mong vị thầy xuất thế, nay đãng ta thấy chính là Đức Thế Tôn, A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác của ta”. Ta nghĩ thế rồi tâm không tán loạn, chánh niệm quán Đức Phật, sửa lại y phục, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ xuống chấp tay, bạch:

–Đức Phật là Thế Tôn của con, con là đệ tử của Phật.

Nói ba lần như vậy, Đức Phật cũng nói ba lần:

–Này Ca-diếp, đúng vậy. Ta là Thế Tôn của ông, ông là đệ tử của ta.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Trong thế gian, nếu có đệ tử Thanh văn nào tâm không một chút chí thành, thật chẳng phải Thế Tôn mà nói là Thế Tôn, thật chẳng phải là La-hán mà nói là La-hán, chẳng phải Nhất thiết trí nói là Nhất thiết trí. Người như vậy đầu họ sẽ bị vỡ làm bảy phần. Hôm nay Ta là Bậc Chánh Tri, Bậc Thầy Đúng, thật là La-hán nên xưng là La-hán, thật là Chánh Đẳng Giác nên xưng là Chánh Đẳng Giác. Những pháp Ta nói ra đều có nhân duyên, chẳng phải là không nhân duyên, để giảng dạy pháp yếu, thật có đưa đến giải thoát, chẳng phải không đưa đến giải thoát, thật có đối trị, chẳng phải không đưa đến đối trị, thật có tinh tấn, chẳng phải không tinh tấn, có khả năng đoạn trừ kết lậu, chẳng phải không có khả năng đoạn trừ. Nay Ca-diếp, nay ông nên học như vậy, những điều ông đã nghe là pháp thiện tốt đẹp, cần phải chí tâm thọ trì đừng quên, tôn trọng ghi nhớ, từ bỏ loạn tâm, cần phải chuyên ý quán sát sự tăng trưởng, tổn giảm của năm thọ ám, thường nên quan sát sự sanh diệt của sáu nhập, an tâm trụ nơi bốn Niệm xứ, tu Bảy giác ý khiến luôn tăng trưởng, rộng chứng Tám giải thoát, hệ niệm tùy thân không lúc nào rời, luôn tăng trưởng sự tu tĩnh, biết hổ thẹn.

Khi ấy Đức Như Lai vì ta thuyết giảng phân biệt các pháp quan trọng, chỉ dạy đem lại mọi lợi ích, hoan hỷ. Bấy giờ ta luôn theo sau Đức Phật không rời một chút, lại tự nghĩ: “Nếu Đức Phật ngồi, ta sẽ dùng Tăng già lê giá trị mười vạn lượng vàng để trả cho Ngài ngồi”. Đức Phật biết ý của ta, đứng lại bên đường. Ta vội xếp y trải nơi chỗ ngồi, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, mong Ngài ngồi lên chỗ này.

Đức Phật ngồi lên, sau khi ngồi, nói với Ca-diếp:

–Y này êm nhẹ.

Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, đúng vậy. Cầu mong Thế Tôn thương mến con, nhận lấy y này.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông có thể nhận lấy y vá vải thô của Ta không?

Ca-diếp đáp:

–Con có thể nhận y này.

Đức Như Lai nhận đại y của Ca-diếp đang mặc. Ngay lúc đó ta nhận lấy y gai phấn tảo từ tay Phật. Đức Phật trao y cho ta xong liền đứng dậy ra đi. Ta theo sau Đức Phật, nhiễu Phật ba vòng, làm lễ Ngài rồi trở về chỗ ở, trong tấm ngày ta đạt được ba quả, đến ngày thứ chín ta dứt sạch hữu lậu, đắc A-la-hán.

Này A-nan nên biết, nếu người nào có thể bày tỏ lời chân chánh thì phải nói thế này:

–Ta là trưởng tử của Đức Phật, được sanh ra từ miệng Đức Phật, được hóa sanh từ pháp, giữ gìn gia tài Phật pháp, thiền định giải thoát trong các tam-muội, tự tại xuất nhập, như vua Chuyển luân Thánh vương có trưởng tử chưa lên ngôi vua, thọ hưởng đầy đủ năm dục. Nay ta cũng như vậy, là trưởng tử của Phật, từ miệng Phật sanh ra, hóa sanh từ pháp, giữ gìn gia tài Phật pháp, xuất nhập vô ngại nơi các pháp tam-muội thiền định, giải thoát. Như con voi quý của Chuyển luân Thánh vương, rất cao lớn, cầm một lá cây Đa-la che thân thể mình, muốn không bị lộ ra, có thể được hay không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Lá cây như vậy không thể nào che thân con voi lớn kia được.

Tôn giả Ca-diếp bảo với A-nan;

–Che được voi còn dễ, không ai có thể che đầy sáu thần thông của ta. Người nào có chỗ nghi ngờ về Như ý thông, ta sẽ vì họ giảng thuyết ý nghĩa của nó, làm cho họ được hiểu rõ. Có người nào nghi ngờ về Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Sanh tử trí thông, Lại tận thông, ta đều vì họ diễn thuyết về ý nghĩa nơi các thần thông ấy, khiến hiểu rõ.

A-nan đáp:

—Con suốt ngày đêm, khi kính ngưỡng Tôn giả thì tâm sanh tịnh tín. Khi ấy hai vị Tôn giả nói như vậy xong, làm lễ nhau và từ giã.

\*\*  
\*

### 120. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, rồi núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương xá. Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Ca-diếp cùng trú nơi núi ấy.

Trong nước có các nhóm người của lục sư ngoại đạo dị kiến đến gặp Tôn giả Xá-lợi-phất. Sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

—Đức Như Lai Thế Tôn có nói về việc ta chết chõ này sanh ra ở chõ kia không?

Xá-lợi-phất đáp:

—Sự việc như vậy, Đức Phật không nói.

Ngoại đạo lục sư lại hỏi:

—Nếu như vậy thì cho rằng thân ta ở mãi thế gian này phải không? Không còn sanh trở lại chăng?

Xá-lợi-phất đáp:

—Sự việc như vậy, Đức Phật cũng không nói.

Ngoại đạo lại hỏi:

—Ta chết chõ này, vừa sanh vào chõ kia, vừa không sanh vào chõ kia phải không?

Xá-lợi-phất nói:

—Đức Phật cũng không nói như vậy.

Ngoại đạo lại hỏi:

—Sau khi ta chết, chẳng phải sanh, chẳng phải không sanh, phải không?

Xá-lợi-phất đáp:

—Phật cũng không nói như thế.

Ngoại đạo lại hỏi:

—Đầu tiên ta hỏi ông: chết ở đây sanh ra nơi chõ kia... cho đến... chẳng phải sanh, chẳng phải không sanh, đều không thấy đáp. Nếu ông được gọi là xuất gia lâu ngày, đáng ra nên phân biệt giảng giải rộng được ý nghĩa này cho chúng tôi. Nay chúng tôi xem ông không thể đáp

được, chúng tôi cho ông là người ngu, mờ, tối, vô trí.

Các ngoại đạo bày tỏ xong liền đứng dậy bỏ đi về chỗ của họ. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở cách Tôn giả Xá-lợi-phất không xa. Khi ngoại đạo đi rồi, Xá-lợi-phất đến gặp Ma-ha Ca-diếp, đem câu hỏi của ngoại đạo nói với Ca-diếp:

– Vì sao Đức Như Lai, với bốn câu hỏi như vậy, ngài đã im lặng không đáp. Vì sao không diễn ra loại tương tự, so sánh để trả lời. Trước đây tôi đã từng nghe có người hỏi Đức Phật: “Chết ở đây rồi có thọ thân đời sau chăng?”, Đức Phật im lặng không trả lời. Lại hỏi: “Sau khi chết không thọ thân đời sau chăng?”. Đức Phật cũng không đáp. Lại hỏi: “Tôi qua đời ở đây, vừa thọ thân đời sau, vừa không thọ phải không?”. Đức Phật cũng không đáp. Lại hỏi: “Sau khi tôi chết, chẳng phải thọ thân đời sau, chẳng phải không thọ thân đời sau chăng?”, Đức Phật cũng im lặng.

Tôn giả Ca-diếp nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Nếu Như Lai có thể nói sau khi sắc bị diệt sanh vào thân đời sau... cho đến... chẳng phải sanh, chẳng phải là không sanh. Thế Tôn đã diệt tận đối với sắc kia, chánh trí giải thoát, không còn chết chõ này sanh chõ kia, chết chõ này không sanh chõ kia, cũng sanh cũng không sanh, chẳng sanh chẳng không sanh. Thế nên Ngài không đáp. Ý nghĩa này thật hết sức sâu xa rộng lớn, vô lượng vô biên, không thể lường tính... cho đến tận diệt thọ, tưởng,... thức, chết ở đây sanh ở kia... cho đến chẳng sanh chẳng không sanh, cũng như vậy. Đây là sự luân chuyển, đây là kiêu mạn, đây là phóng dật, đây là sự tạo tác hữu vi nơi nghiệp, đây là ái kết, ở đây còn ái thì sanh chõ kia, ở đây còn ái không sanh chõ kia, ở đây còn ái vừa sanh chõ kia, vừa không sanh chõ kia; chõ này còn ái chẳng phải sanh chõ kia, chẳng phải không sanh chõ kia. Đức Như Lai đã tận diệt ái, đạt giải thoát hoàn toàn, ái đã bị đoạn tận nên không còn sanh chõ kia, không còn không sanh chõ kia, không còn sanh chõ kia không sanh chõ kia, không còn chẳng không có sanh chõ kia, không còn chẳng không có không sanh chõ kia. Ý nghĩa này thật sâu xa, rộng lớn vô biên, không thể tính toán... đến chõ tận diệt. Đại đức Xá-lợi-phất nên biết, vì nhân duyên này nên Như Lai đối với những câu hỏi ấy không trả lời trực tiếp: Chết ở đây sanh chõ kia. Chết ở đây không sanh chõ kia. Chết ở đây

vừa sanh vừa không sanh chỗ kia. Chết ở đây chẳng phải sanh chẳng phải không sanh chỗ kia.

Hai vị Đại đức ấy cùng nhau nói lên những điều tốt đẹp, rồi trở về chỗ của họ.

\*\*

### 121. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở nước Xá-vệ, nơi giảng đường Tỳ-xá-khu, trong rừng Tây viễn.

Tôn giả Đại Ca-diếp vào lúc chiều tối, ra khỏi thiền định, đến gặp Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

—Thưa Đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì khi Đức Như Lai bắt đầu đặt ra rất ít giới luật mà người tu hành nhiều. Vì sao ngày nay giới luật tăng nhiều, người tu hành lại ít?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

—Đúng vậy! Đúng vậy! Chúng sanh do năm thứ dục nhơ là mạng trước, phiền não trước, chúng sanh trước, kiếp trước, kiến trước khiến họ trở nên xấu ác, chánh pháp vì vậy mà suy giảm. Thế nên Như Lai vì các đệ tử chế ra nhiều giới cấm, ít có Tỳ-kheo thuận theo lời Phật dạy, thọ trì giới cấm. Các loại chúng sanh cũng dần dần thoái thất. Ví như vàng quý dần dần bị tổn giảm, cho nên vàng giả xuất hiện. Chánh pháp của Như Lai cũng như vậy, dần dần tiêu diệt thì Tượng pháp xuất hiện. Tượng pháp đã xuất hiện thì chánh pháp diệt mất. Nay Ca-diếp nên biết, như ghe thuyền đi trong biển, chở quá nhiều vật quý tất bị chìm đắm. Giáo pháp của Đức Như Lai cũng thế, đã dần dần giảm thiểu, diệt vong. Chánh pháp của Như Lai không phải bị tiêu diệt do đất, nước, lửa hay gió. Người nào trong giáo pháp của Ta sống với ái dục, hành theo uy nghi xấu ác, tạo tác các điều ác, pháp thì nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, chẳng phải luật nói là luật, phạm nói chẳng phạm, chẳng phải phạm nói phạm, tội khinh nói trọng, tội trọng nói khinh. Sự việc như vậy xuất hiện trong thế gian đều do Tượng pháp với câu và nghĩa tương tự với chánh pháp, khiến chánh pháp của Phật dần dần diệt mất. Ca-diếp nên biết, có năm nhân duyên khiến cho chánh pháp bị diệt, tất cả đều do quên mất

chương cú, pháp thiện bị thoái chuyển. Những gì là năm?

1. Không cung kính Phật, không tôn trọng Phật, không cúng dường Phật, không chí tâm quy y Phật, nhưng lại sống dựa dẫm vào pháp Phật.

2. Không kính Pháp, không tôn trọng Pháp, không cúng dường Pháp, đối với chánh pháp không chí tâm, lại sống dựa dẫm nơi Pháp.

3. Không cung kính Giới, không tôn trọng Giới, không cúng dường Giới, không chí tâm trì giới đã thọ, lại sống dựa dẫm vào Giới.

4. Không cung kính người truyền dạy, không tôn trọng người truyền dạy, không cúng dường người truyền dạy, không chí tâm với người truyền dạy, nhưng lại sống dựa dẫm vào người truyền dạy.

5. Đối với vị đồng phạm hạnh được Đức Phật tán thán thì không cung kính, không tôn trọng, không cúng dường, không thường chí tâm lễ bái thăm hỏi, nhưng vẫn nhờ họ mà được sống an ổn.

Này Ca-diếp, vì năm nhân duyên kể trên, khiến chánh pháp dần dần bị suy thoái, diệt vong.

Này Ca-diếp, có năm nhân duyên khiến chánh pháp trụ thế lâu dài, không chìm đắm, không suy thoái, không quên, không mất. Những gì là năm? Cung kính Đức Thế Tôn, tôn trọng Phật, cúng dường Phật, thường chí tâm quy y Phật. Đối với Pháp, với Giới, với bậc Giáo thọ, với vị đồng phạm hạnh cũng phải cúng dường, cung kính, tôn trọng, chí tâm hướng về. Do năm nhân duyên thiện này khiến chánh pháp an trụ lâu dài ở thế gian, không chìm mất, không thoái chuyển, không quên, không mất. Do ý nghĩa này cần phải cung kính Phật, Pháp, Giới, người truyền dạy, vị đồng phạm hạnh.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

**Kệ tóm lược:**

*Nguyệt dù, bối thí  
Phụ thắng, vô tín  
Phật vi căn bản  
Cực lão, nạp y trùng  
Thị thời, chúng giảm thiểu  
Ngoại đạo, pháp tổn hoại.*



## BIỆT DỊCH KINH TẠP A-HÀM

### QUYỂN VII

#### TỤNG 2: Phần 2

**122.**

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại rừng trúc Ca-lan-dà trong thành Vương xá.

Trong thành có một nghệ sĩ trưởng, hiệu là Động Phát. Ông ta đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên, thưa:

—Thưa Đức Cù-dàm, trước đây con đã từng gần gũi và được nghe các nghệ sĩ kỳ cựu lão thành nói: “Bày biện dụng cụ trên sân khấu, trình diễn nhiều màn vui chơi, khảy đòn, tấu nhạc, đánh trống, ca hát cho cả trăm ngàn vạn người đến xem, ai làm những việc ấy, sau khi qua đời, được sanh lên cõi trời Quang chiếu”. Lời nói như vậy là đúng hay sai?

Đức Phật bảo ông ta:

—Thôi đi, thôi đi! Đừng hỏi việc này.

Người nghệ sĩ trưởng hỏi hai, ba lần như vậy, nhưng Đức Phật vẫn không đáp.

Đức Như Lai nói với người nghệ sĩ trưởng:

—Ta hỏi, ông tùy ý đáp. Người nghệ sĩ nào bày biện dụng cụ vui chơi trên sân khấu, khảy đòn, đánh trống, ca nhạc, vì vậy có trăm ngàn người tụ tập đến xem. Người này vốn bị ái dục, sân hận ngu si trói buộc sắn, nay lại làm thêm những hành động phóng dật, lẽ nào không tăng thêm tham, sân, si hay sao? Ví như có người bị dây trói, lấy nước rưới vào dây, thì càng bị cột chặt thêm. Những người kia trước đây vốn bị ba độc trói buộc, nay lại chơi đùa ca nhạc trên sân khấu, họ chỉ tăng thêm ba độc, hưng thịnh như ca tấu nhạc vậy. Nay nghệ sĩ trưởng, ông cho rằng nhờ vào việc này, khi chết được sanh lên cõi trời Quang chiếu, không thể có điều ấy.

—Ai cho rằng người nào nhờ tấu nhạc trên sân khấu, khi chết được

sanh nơi cõi trời Quang chiếu. Ta nêu rõ rằng: “Ai nói như vậy là tà kiến. Quả báo của tà kiến, là sanh vào hai chỗ: Một là địa ngục, hai là súc sanh”.

Đức Phật dạy như vậy, người nghệ sĩ trưởng khóc rơi nước mắt.

Đức Phật bảo vị nghệ sĩ trưởng:

– Vì lý do này nên ông thưa hỏi ba lần, Ta vẫn không đáp.

Người nghệ sĩ trưởng bạch:

– Thưa Thế Tôn, con không phải khóc vì vừa nghe lời Phật dạy. Con chỉ thương cho những nghệ sĩ kia trẻ dại ngu si, không có trí tuệ nên hành động bất thiện. Từ lâu trong cuộc sống họ đã có tri kiến như vậy, vào đời vị lai sẽ thọ nhận khổ lớn, thường bị khinh khi đối gạt, bị người xem thường. Người nghệ sĩ nào nói rằng: “Chơi nhạc, ca hát trên sân khấu, khi qua đời được sanh đến cõi trời Quang chiếu”. Lời nói như thế là đại vọng ngữ. Ai nhờ nghiệp này được sanh lên cõi trời Quang chiếu, việc này không thể có. Bạch Thế Tôn, từ hôm nay, con không tạo tác nghiệp ác như vậy nữa.

Đức Phật bảo:

– Ông đã hiểu biết chân chánh, chắc chắn được sanh vào cõi thiện trong đời vị lai.

Người nghệ sĩ trưởng và các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### 123. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Trong thành có một đầu tướng giỏi làm thôn trưởng. Ông ta đến gặp Đức Phật, đánh lê dưới chân, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên, bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn, trước đây con đã từng nghe các hàng Trưởng lão kỳ cựu nói: “Khi ai muốn chiến đấu phải trang bị binh khí cầm tay, tự phòng hộ vững chắc, dũng mãnh tiến tối, không có khiếp nhược, có thể phá quân địch ở trước, tiêu diệt các sanh mạng, khiến cho quân đội kia bị thua, tan rã. Ai làm được việc này thì được sanh cõi trời Tiên trang nghiêm”.

Người đầu tướng hỏi như vậy, Đức Phật đáp:

—Hãy ngừng lại, đừng hỏi nữa! Nay ý nghĩa của điều ông hỏi thật bất thiện.

Người đầu tướng hỏi ba lần như vậy. Đức Phật bảo:

—Ông đã ba lần ân cần hỏi Ta. Nếu ông có thể lãnh thọ, Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Những kẻ có việc đánh nhau, sẽ cố gắng tự trang bị về sự hiểu biết đối với chiến thuật giỏi, dẫn đầu mặt trận, dũng mãnh tiến tới. Như vậy, lẽ nào chiến tướng không tác ý tìm phương tiện để tàn sát cho được quân đội bên kia, với suy nghĩ: Làm sao bắt trói được chúng, làm sao tàn sát được chúng, làm sao cho chúng tan nát hết. Có khi nào họ không sanh ý niệm như vậy không? Nay Chiến tướng, như thế là ông đối với chúng sanh đã khởi lên ba nghiệp tà ác. Ba nghiệp tà ác là gì? Đó là thân, khẩu, ý ác. Ai sử dụng ba nghiệp ác, bất thiện ấy, sau khi qua đời, lại được sanh lên cõi trời, không thể có sự việc này. Nay Chiến tướng, nhận thức đang có của ông chính là tà kiến. Nghiệp tà kiến chắc chắn sanh vào hai chỗ, địa ngục hay súc sanh.

Sau khi người đầu tướng nghe lời Phật dạy, khóc lóc rơi lệ.

Đức Phật hỏi:

—Do vậy ông đã hỏi ba lần, Ta vẫn không nói. Nay đã nói cho ông, tại sao lại khóc?

Đầu tướng bạch Phật:

—Thưa Thế Tôn, không phải con nghe Ngài nói vậy mà khóc lóc, chỉ thương cảm các đầu tướng lâu nay ngu si, khờ dại vô trí, hành động bất thiện nên thường làm việc này, trong đời vị lai sẽ bị khổ lớn. Nghiệp ác như vậy thật sự không có sanh lên cõi trời, thật không có sự việc người nào làm nghiệp này mà được sanh lên cõi trời Tiên trang nghiêm. Bạch Thế Tôn, từ nay về sau con không làm theo các tà kiến này nữa.

Đức Phật tán dương:

—Lành thay, lành thay! Lời ông vừa nói thật là ít có.

Người đầu tướng nghe lời Phật dạy, đánh lỗ từ giã.

**124..Tôi nghe như vầy:**

Một thời, Đức Phật ở nơi rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Có người chủ khu xóm giỏi nghề huấn luyện ngựa đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên.

Đức Phật bảo ông huấn luyện ngựa:

–Có bao nhiêu điều kiện làm cho ngựa thuần thục?

Vị ấy đáp:

–Thưa Đức Cù-đàm, có ba điều kiện làm cho ngựa được thuần thục là:

1. Một mặt cần phải mềm dẻo.
2. Một mặt cần phải cứng rắn.
3. Một mặt cần phải dung hòa.

Đức Phật bảo ông ta:

--Nếu thực hiện cả ba điều kiện trên, vẫn không điều phục được nó, thì phải làm thế nào?

Người huấn luyện ngựa đáp:

-Đánh cho chết.

Ông ta hỏi tiếp:

–Thưa Đức Cù-đàm, Ngài là Bậc Điều Ngự Vô Thượng, bằng bao nhiêu cách Ngài điều phục kẻ trượng phu.

Đức Phật đáp:

–Ta cũng điều phục bằng ba cách:

1. Có khi cần phải nói lời ôn hòa.
2. Có khi nói lời cứng rắn.
3. Có khi nói lời dung hợp.

Thế nào là có khi cần phải ôn hòa? Như Ta dạy các Tỳ-kheo: “Nếu các ông tu ba nghiệp thiện sẽ được quả báo tốt đẹp của trời hay người”. Đây là một mặt dùng lời ôn hòa để điều phục.

Thế nào là điều phục bằng lời cứng rắn? Như thuyết giảng về ba đường ác. Đây là do nghiệp nơi thân, khẩu, ý tạo quả xấu.

Thế nào là điều phục bằng cách dung hợp giữa cứng rắn và ôn hòa? Là giảng dạy về thân, khẩu, ý, làm các việc thiện được sanh vào cõi trời, cõi người. Đây là quả báo thu đạt được do thân, khẩu, ý thiện.

Thuyết giảng về các nghiệp xấu do thân, miệng, ý sẽ bị đọa vào ba đường ác, đây là quả báo của thân, khẩu, ý. Đó gọi là dùng cách dung hợp giữa ôn hòa và cứng rắn để điều phục chúng sanh.

Người huấn luyện ngựa bạch Phật:

—Nếu dùng ba cách này mà không điều phục được, thì phải điều phục bằng cách nào?

Đức Phật bảo:

—Nói lời tha thiết mà họ không thuần thực, thì gây hủy hại nặng cho họ.

Vị ấy nói:

—Đức Cù-dàm thường thuyết giảng không sát hại. Tại sao lại nói hủy hại?

Đức Phật bảo ông ta:

—Đúng vậy! Đức Như Lai giảng nói điều không sát hại. Đây là hành động không được làm. Đức Như Lai Thế Tôn dùng ba cách này để điều phục chúng sanh: Nếu người nào không chịu điều phục thì sẽ không nói chuyện, không răn dạy, không hướng dẫn cho họ nữa.

Đức Phật hỏi người huấn luyện ngựa:

—Ý ông thế nào? Nếu Đức Như Lai không dạy dỗ, không nói chuyện, không hướng dẫn, với cách thức như vậy gọi là hủy hại, là thực sự hủy hại phải không?

Người dạy ngựa đáp:

—Bạch Đức Cù-dàm, đúng như vậy! Nếu Đức Như Lai không nói chuyện với họ, không dạy bảo, không hướng dẫn là đã thành hủy hại rồi. Thật sự rất tai hại cho đời sống của họ.

Ông ta lại thưa:

—Bạch Đức Cù-dàm, từ nay về sau, con sẽ đoạn trừ sự hủy hại bằng cách không làm việc ác.

Đức Phật tán dương:

—Này người dạy ngựa, lời ông nói rất đúng, đó là việc rất chân chánh.

Người dạy ngựa nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lẽ từ giã.

### 125. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Có người thôn trưởng tên Ác Tánh đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, trong thế gian có người không tu tập, gây phiền não cho người khác, nói lời phiền não với người khác. Vì vậy, mọi người đều gọi họ là cực ác.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Có một người nào đó xúc phạm người khác, nói lời xúc phạm. Người khác bị lời nói kia xúc phạm nên nổi sân hận, vì vậy nên tên là Ác Tánh, do không tu hành chánh kiến, chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng, chánh niệm, chánh phương tiện, chánh chí, chánh định. Vì không tu chánh định nên xúc phạm người khác và khi bị xúc phạm thì sanh ra phẫn nộ, dữ dội, vì phẫn nộ nên nói lời giận dữ, phát ra lời phẫn nộ nên gọi là Ác Tánh.

Thôn trưởng thưa:

–Hy hữu thay Đức Cù-đàm! Đúng như lời Ngài nói. Xúc phạm người khác đúng tên là Ác Tánh. Con vì không tu hành chánh kiến nên xúc não người khác, vì bị xúc phạm nên họ gọi con là Ác Tánh. Tất cả mọi người gọi con là Ác Tánh. Từ đó đến nay con có tên là Ác Tánh.

Thôn trưởng lại thưa:

–Bạch Đức Cù-đàm, làm thế nào không bị xúc phạm, không gây xúc phạm và không phát ra lời nói xúc phạm?

Đức Phật dạy:

–Tuy bị người xúc phạm nhưng không xúc phạm lại người. Bị người khác nói lời xúc phạm nhưng không nói lời xúc phạm trở lại. Tuy bị xúc phạm nhưng tâm không bị khổ não. Vì tự thân không xúc phạm nên được người đời gọi là khéo nhẫn nhục và đối với người khác có ý tưởng nhẫn nhục. Ai muốn được vậy phải thường tu tập chánh kiến. Do có chánh kiến nên có chánh nghiệp, chánh ngữ, chánh mạng, chánh chí, chánh phương tiện, chánh định, chánh niệm. Do có tu tập chánh định nên khi bị người khác xúc phạm không sanh tâm phiền não, không sanh phiền não thì gọi là khéo nhẫn nhục.

Thôn trưởng thưa:

- Hy hữu thay Đức Cù-dàm! Lời nói của Ngài thật toàn thiện. Đúng như lời Ngài dạy, con vì không tu tập chánh kiến nên bị người khác xúc phạm. Khi bị xúc phạm con nói ra lời xúc phạm lại. Do đó người đời gọi con là Ác Tánh. Do con phát sanh ý tưởng ác nên gọi là Ác Tánh. Con vì không tu tập Bát chánh đạo nên khi bị xúc phạm liền nói ra lời xúc phạm lại, đưa đến phẫn nộ. Do có ý tưởng ác này nên người đời gọi con là Ác Tánh. Thưa Đức Cù-dàm, từ nay về sau, con xin từ bỏ những tánh xấu ác, dữ tợn, ngã mạn, hung hiểm như vậy.

Đức Phật tán thán:

- Ông làm như vậy thật hết sức tốt đẹp.

Thôn trưởng nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, làm lễ từ giã.

\*\*

## 126.

Bấy giờ có thôn trưởng, tên Như Ý Châu Đảnh Phát, đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn, trước đây trên điện nhà vua, con cùng các phụ tướng quyến thuộc, quần thần, ngồi chung một nơi cùng nhau đàm luận về việc Sa-môn có được cầm tài vật quý báu hay không? Trong chúng có người nói: "Giá như có cầm, nào bị lỗi gì? Vậy được phép cầm!" Người khác nói: "Không được cầm! Sa-môn Thích tử không được cầm vàng, vật quý".

Bạch Thế Tôn, hai thuyết này, thuyết nào đúng pháp, thuyết nào không đúng pháp? Những lời bày tỏ ấy, lời nào là hủy báng Phật và lời nào có lỗi? Thuyết nào đúng lời Phật dạy, thuyết nào không đúng lời Phật dạy?

Đức Phật bảo thôn trưởng:

- Ai bày tỏ lời nói không đúng như thế này là lời nói có lỗi, là vu báng Ta, lời nói của Ta thật không phải như vậy. Tại sao? Theo đúng pháp thì Tỳ-kheo, Sa-môn Thích tử không được cầm giữ vàng tiền, vật quý... Ai cầm tiền, vàng, vật quý..., người ấy không phải làm theo pháp Sa-môn Thích tử. Giáo pháp của Phật làm cho con người trở thành toàn

thiện đặc biệt, thế nên Đức Phật đã thuyết giảng: “Là Tỳ-kheo không được cầm giữ tiền, vàng, vật quý... Người nào cầm giữ chúng là chẳng phải đúng pháp Sa-môn”.

Thôn trưởng nói:

–Bấy giờ, giữa mọi người, con sẽ bày tỏ: Sa-môn Thích tử không được cầm giữ tiền vàng vật quý... Nếu ai cầm tiền thì mặc sức, tùy ý phóng túng nơi năm dục.

Người thôn trưởng nghe lời Đức Phật dạy, đánh lễ từ giã.

Khi ấy Tỳ-kheo A-nan đang đứng hầu, cầm quạt quạt Đức Phật. Đức Phật bảo A-nan:

-Ông hãy gọi các Tỳ-kheo đang trú tại thành Vương xá này, tập trung tất cả ở giảng đường.

A-nan vâng lời Phật dạy, triệu tập tất cả Tỳ-kheo đến họp ở giảng đường. Khi các Tỳ-kheo đã tập hợp, A-nan đến gặp Phật đánh lễ dưới chân, ngồi qua một bên, bạch:

–Thưa Thế Tôn, các Tỳ-kheo Tăng đang trú ở thành Vương xá đều đã đến tập hợp hết ở giảng đường. Kính thưa Thế Tôn, nên biết đúng lúc.

Thế Tôn đến giảng đường, trải tòa ngồi trước chúng Tăng, bảo các Tỳ-kheo:

–Có vị thôn trưởng là Như Ý Châu Đản Phát đến gặp Ta. Sau khi đánh lễ, vị ấy thưa với Ta: “Trước đây trên điện vua, con và các phụ tướng cùng nhau bàn luận: Pháp của Sa-môn Thích tử là được cầm giữ vàng, tiền, vật quý hay không? Bấy giờ trong chúng có người nói: “Giả sử Sa-môn Thích tử cầm giữ tiền vật quý, vàng bạc... nào có lỗi lầm gì! Ai chỉ cầm giữ chúng, không có khố”. Có người khác nói: “Pháp của Sa-môn đúng ra không được giữ vàng, tiền, vật báu...”. Hai người ấy nói lời không giống nhau. Như vậy lời nói của hai người lời nào đúng pháp?

Ta trả lời: “Sa-môn Thích tử không được cầm giữ tiền, vàng, vật báu...”.

Người thôn trưởng bày tỏ: “Bấy giờ khi ở giữa hội chúng ấy, con sẽ bày tỏ: Nếu Sa-môn Thích tử được giữ vàng bạc, tiền, vật quý... thì sẽ phóng túng đưa đến thọ hưởng năm dục.

Người thôn trưởng nghe lời Ta dạy, hoan hỷ từ giã.

### Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

-Các ông phải biết, người thôn trưởng Như Ý Châu Đảnh Pháp, ngay trước mọi người, đã gầm lên tiếng gầm của sư tử. Pháp của Sa-môn Cù-dàm là không được nhận giữ vàng, bạc, tiền vật quý. Nay các Tỳ-kheo, từ nay về sau, ai có nhu cầu cần thiết muốn cầm vàng bạc... phải quán tưởng chúng như cỏ, cây và như phải cầm phẩn, thà cầm phẩn uế chứ không nên cầm vật quý.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ rồi lui ra.

\*\*  
\*

### 127. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở bên bờ hồ Kiệt thành kỲ, thuộc nước Chiêm-ba. Có thôn trưởng tên Vương Đảnh Phát đến gặp Đức Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Phật bảo ông ta:

-Trong thế gian có nhiều chúng sanh sống dựa vào hai pháp: Một là tham đắm dục lạc, hai là luyện tập khổ hạnh vô ích, tự thân thực hành pháp phi thánh đạo. Do đó họ chịu sự tổn hại, không chút lợi ích gì. Tham đắm theo dục lạc gọi là pháp trói buộc, chìm sâu trong hạ tiện. Người thọ hưởng dục lạc có bá hạng.

-Thế nào là ba hạng?

1. Hạng tích tụ tài sản phi pháp nên tàn hại chúng sanh, vì thương yêu tự thân, chỉ vì tự thân nên làm những công việc đưa đến sung sướng cho mình. Họ không nuôi dưỡng cha mẹ, cung cấp cho vợ con, người giúp việc, không giúp đỡ thân hữu tri thức, quyến thuộc, người hỗ trợ, không cúng dường Sa-môn Bà-la-môn, những chỗ phước điền. Người như vậy không tu đạo cao thượng, không tạo nhân an lạc nên không được kết quả an lạc. Đây là hạng thứ nhất thọ hưởng dục lạc.

2. Có hạng người thọ hưởng dục lạc, có khi đúng pháp, có khi phi pháp, có khi hành động tàn hại, có khi không tàn hại để đem mọi an lạc cho bản thân và đối với cha mẹ, vợ con, tôi tớ, bạn bè, quyến thuộc, người hỗ trợ của mình, họ đều cúng dường cung cấp đủ sự an vui. Nhưng họ không bố thí cho Sa-môn Bà-la-môn và các chỗ phước điền. Họ cũng không tu tập chánh đạo, không tạo nhân an lạc, không cầu quả báo an lạc, không tạo nhân duyên để sanh thiên. Đây gọi là hạng thứ hai thọ hưởng dục lạc.

3. Có hạng người tích trữ tài sản, vật báu, để dành đúng pháp, không làm việc tàn hại, sống đúng pháp nên không hành động tàn hại, tự thân có tu tập, thọ hưởng an lạc đầy đủ. Họ cúng dường đúng pháp cho cha mẹ, vợ con, tôn tớ, bạn bè, quyến thuộc, người phụ trợ, đều được bố thí, cúng dường đầy đủ. Họ luôn luôn cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn tạo lập ruộng phước, tu tập theo con đường hướng thượng, trồng nhân an lạc, cầu quả báo an lạc, tạo nhân duyên sanh thiêng. Đây là hạng thứ ba thọ hưởng dục lạc.

Với những người thọ hưởng dục lạc như vậy, Ta nói rõ: Có trường hợp thọ hưởng dục lạc gọi là hạ tiễn. Có trường hợp thọ hưởng dục lạc gọi là trung bình. Có trường hợp thọ hưởng dục lạc gọi là cao thượng.

Trường hợp nào là hạ tiễn? Có người bằng cách phi pháp hay đúng như pháp tích trữ tài sản để tạo sự sung sướng cho mình, chỉ gây nhân an lạc cho riêng tự thân. Họ không cúng dường cha mẹ, không giúp đỡ vợ con, tôn tớ, bạn bè, quyến thuộc, cũng không tùy thời cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc phước điền, không tu tập theo đường hướng thượng, không gây nhân an lạc, không được quả báo an lạc, không gây nhân duyên sanh thiêng. Đây gọi là trường hợp hạ tiễn.

Trường hợp nào là trung bình? Có người thọ hưởng dục lạc, có khi như pháp, có khi phi pháp, có khi hành động tàn hại, để đem lại sự an lạc cho mình, hoặc đem sự an lạc đến cho cha mẹ, vợ con, tôn tớ, thân thuộc... nhưng không tạo nhân duyên sanh thiêng. Đây gọi là trung bình.

Trường hợp nào là cao thượng? Đó là tích tụ tài sản đúng như pháp, không gây tàn hại cho chúng sanh, tự thân thọ hưởng đầy đủ an lạc, đúng pháp, cúng dường cha mẹ cung cấp cho vợ con, tôn tớ, thân hữu... cho đến làm những nhân duyên để sanh thiêng. Đây là trường hợp cao thượng.

Thế nào là ba hạng người hành động vô ích làm khổ thân?

Đó là khổ hạnh không đúng pháp của bậc Thánh, không có nội dung lợi ích. Ai có thân khổ thì tâm đã bị biến động. Như người mới phạm giới lần đầu, cả trong ngoài thân tâm bức rức, luôn luôn hối hận về việc này. Trong đời hiện tại họ luôn luôn bị phiền não, không thể nào chứng đắc pháp vượt hơn người. Đây là pháp khổ hạnh vô ích thứ nhất.

Có người tuy không phạm giới, tâm không bị biến động, hành động thân tâm điều hòa nhau, trong ngoài đều an ổn. Họ tu tập khổ hạnh, nhưng trong đời hiện tại cũng không thoát ly phiền não, không thể nào đắc được pháp vượt hơn người. Đây gọi là pháp khổ hạnh vô ích thứ hai.

Có người tuy không phạm giới, tâm không biến động, hai nghiệp thân tâm điều hòa nhau, trong ngoài an ổn. Họ tu tập khổ hạnh, trong đời hiện tại, tuy không thoát ly phiền não nhưng có tăng tiến chút ít về pháp vượt hơn người, hoặc chứng đắc ít phần trí tuệ để được thấy pháp, chứng chút ít thiền định. Đây là pháp khổ hạnh vô ích cho thân thứ ba.

Này thôn trưởng, Ta không nói rõ các loại khổ hạnh vô ích đều giống như nhau. Có loại khổ hạnh là hạ phẩm. Có loại khổ hạnh là trung phẩm. Có loại khổ hạnh là thượng phẩm.

Thế nào là khổ hạnh hạ phẩm? Người khi mới phạm giới, tâm đã bị biến động, cả trong ngoài thân tâm đều bứt rứt, luôn luôn hối hận về việc ấy. Họ tu khổ hạnh, ngay trong đời này không thoát ly phiền não, không chứng đắc pháp vượt hơn người. Đây là hạ phẩm.

Thế nào là trung phẩm? Có người tuy không phạm giới, tâm không thay đổi, hai nghiệp thân tâm điều hòa, trong ngoài đều an ổn. Họ tu khổ hạnh, ngay trong đời này không thoát ly phiền não, không chứng đắc pháp vượt hơn người. Đây là trung phẩm.

Thế nào là thượng phẩm? Có người tuy không phạm giới, tâm không bị biến động, hai nghiệp thân tâm điều hòa, trong ngoài an ổn. Họ tu tập khổ hạnh, trong đời hiện tại này tuy không đoạn trừ phiền não, nhưng có tiến bộ một phần nhỏ về pháp vượt hơn người, chứng đắc phần nhỏ trí tuệ, hoặc được thấy pháp, tự thân thọ hưởng thiền lạc. Đây là thượng phẩm.

Này thôn trưởng, hãy từ bỏ hai cực đoan này, hướng đến với đạo pháp. Đó là từ bỏ ba loại dục lạc, ba loại khổ hạnh vô ích ở trên, hướng đến trung đạo.

Thế nào là từ bỏ ba loại dục lạc và ba loại khổ hạnh vô ích hướng đến trung đạo?

Này thôn trưởng, người tham đắm dục lạc, làm hại tự thân, làm hại người khác, làm hại cả hai. Hiện tại duyên tập nghiệp ác, đời vị lai

cũng duyên tập nghiệp ác. Do nhân duyên này, tâm ý phiền não ưu bi, chịu các loại khổ đau. Ai dứt sạch mọi trói buộc của dục, không còn tự làm khổ, không làm khổ người, không làm khổ cả hai. Trong đời hiện tại không nhận lấy đau khổ, trong đời vị lai cũng không bị các loại khổ. Với ý nghĩa này: Được pháp lạc hiện tại, thoát ly các khổ não, đến gần Niết-bàn, không bị lệ thuộc vào hoàn cảnh, ngay trong đời này có thể chứng đạo quả, người trí tự mình hiểu biết, sáng suốt không trở ngại, tự đến để thấy. Đây là Trung đạo thứ nhất.

Này thôn trưởng, iại có trung đạo khác, viễn ly phiền não, không bị lệ thuộc vào hoàn cảnh, được gần Niết-bàn, người trí tự biết, tự mình đến để thấy, đó là: Chánh kiến, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh định, chánh phương tiện, chánh chí, chánh niệm. Đây là Trung đạo thứ hai.

Đức Phật thuyết giảng pháp này, thôn trưởng Vương Đảnh Phát liền xa lìa mọi bụi bặm cầu uế, đắc pháp nhã thanh tịnh.

Thôn trưởng Vương Đảnh Phát hiểu biết pháp, thấy pháp, đắc pháp, không còn nghi ngờ, lìa bỏ nghi hoặc, liền rời chỗ ngồi, sửa y phục, chấp tay hướng về Đức Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, hôm nay con đã không còn bị mê lầm nữa. Con xin quy y Phật bảo và hai bảo Pháp, Tăng; xin thọ trì giới Ưu-bà-tắc. Từ nay đến trọn đời, con xin quy y Tam bảo.

Thôn trưởng Vương Đảnh Phát nghe lời Phật dạy, hoan hỷ vô cùng, đánh lễ từ giã.

\*\*

## 128.

Một thời, Đức Thế Tôn du hành từ thôn Mạt lao đi dần đến rừng Anh vũ diêm vô quả thuộc thôn Ưu-lâu-tần-loa.

Thôn trưởng tên Lư Tánh, từ xa đã nghe đồn Đức Thế Tôn du hành từ thôn Mạt lao đến rừng Anh vũ diêm vô quả thuộc khu xóm Ưu-lâu-tần-loa, nên suy nghĩ: “Ta nghe đồn giáo pháp do Thế Tôn Cù-dàm nói ra có thể diệt trừ tất cả khổ, tập trong hiện tại. Ta đang muốn diệt trừ được những thứ ấy, vậy nên đến gặp Ngài để được nghe diệu pháp đó. Có thể Ngài sẽ giảng dạy cho ta về con đường diệt tận khổ, tập”. Sau khi suy nghĩ, Lư Tánh rời khỏi thôn đến gặp Thế Tôn, đánh lễ dưới

chân Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

—Thưa Thế Tôn, con nghe rằng giáo pháp do Như Lai thuyết giảng có thể diệt trừ khổ, tập của chúng sanh trong hiện tại. Lành thay! Thế Tôn, xin Ngài từ bi thương cảm, chỉ dạy cho con về phương pháp có thể diệt trừ khổ, tập trong hiện tại.

Đức Thế Tôn bảo ông ta:

—Nếu Ta giảng cho ông về khổ, tập và pháp diệt khổ đã từng có ở vô số đời trong quá khứ thì ông có khi tin hoặc không tin; có khi ưa thích hay không ưa thích.

Nếu ta giảng cho ông về khổ, tập và pháp diệt khổ sẽ có ở vô số đời trong vị lai thì ông có khi tin, hoặc không tin; có khi ưa thích hoặc không ưa thích.

Đức Phật lại dạy:

—Ngay lúc này và tại đây, Ta sẽ giảng cho ông về khổ, tập và pháp diệt khổ. Ông hãy lắng nghe và chí tâm thọ trì. Chúng sanh đều có những đau khổ dù nhỏ nhặt. Khổ này có nhiều loại khác nhau, đều được sanh ra từ dục, tập khởi từ dục, lấy dục làm căn bản, có nhân duyên từ dục.

Người thôn trưởng bạch Thế Tôn:

—Lành thay! Thế Tôn, con cẩn tánh ám độn, không hiểu lời nói tóm lược, cầu mong Ngài từ bi giảng rộng ý nghĩa này cho con được khai ngộ.

Đức Phật dạy:

—Ta hỏi ông, tùy ý đáp. Trong thôn Ưu-lâu-tần-loa này với số dân chúng ở đấy, giả sử có người bắt trói, hủy nhục, giết chết họ, ông đối với việc này, có sanh khổ não không?

Thôn trưởng đáp:

—Tuy có buồn thảm nhưng không phải con quá đau khổ đối với tất cả mọi người. Bạch Thế Tôn, trong thôn Ưu-lâu-tần-loa này, người nào được con yêu mến, mới làm cho con đau khổ, sầu não, tâm không vui vẻ. Người nào mà con không yêu mến, không tham ái, không nhớ đến, với tất cả những người không thân thiết ấy, con không có ưu, bi, khổ não.

Đức Phật bảo ông ta:

—Này thôn trưởng, thế nên phải biết tất cả các loại khổ phát sanh

đều do dục, đều nhân nơi dục; dục là căn bản.

Đức Phật lại bảo:

–Này ông chủ thôn, ông nghĩ thế nào với đứa con chưa sanh của ông, chưa có trong bụng mẹ, chưa thấy, nghe về nó bao giờ, ông đối với nó có tâm ý yêu mến thân thiết không?

Đáp:

–Bạch Thế Tôn, không có.

Đức Phật lại bảo:

–Đứa con ông do vợ ông đã sanh ra, khi thấy nó, ông có tâm ý ưa muốn thân thiết yêu mến không?

Đáp:

–Vâng! Có như vậy.

Đức Phật nói:

–Con của ông do vợ sanh, vừa mới lớn lên, giả như nó làm việc bại hoại, làm giặc cướp chống lại vua. Nó làm như vậy, ông có khổ não, ưu, bi không?

Thôn trưởng thưa:

–Nếu gặp phải trường hợp này, ngay lúc ấy tâm con đau khổ như chết hay gần chết, nói gì đến ưu, bi, khổ não.

Đức Phật lại bảo:

–Vậy nên biết rằng: Tất cả khổ não đều phát sanh từ dục, lấy dục làm nhân; dục là căn bản.

Thôn trưởng nói:

–Hy hữu thay Đức Thế Tôn! Lời Ngài dạy rất đầy đủ, với ví dụ rất tinh tế.

Ông ta lại bạch Phật:

–Giả như con của con đang ở nơi xa, con sai người đến thăm viếng. Nếu người ấy trở về chậm, con cùng mẹ nó tâm ý không yên, lo ngại vì người ấy về muộn, bởi con muốn biết con của con có bình an không.

Đức Phật nói:

–Này thôn trưởng, như vậy, nên biết chúng sanh bị khổ não với nhiều loại ưu, bi đều bắt nguồn từ dục, sanh ra từ dục, có căn bản từ dục. Giả như bốn ái bị hư hại, thay đổi thì sanh ra bốn loại ưu, bi, khổ não. Ai có ba loại ái cũng còn sanh ưu, bi, khổ não... Ai có một

loại ái cũng sanh ưu, bi, khổ não. Người nào không có ái thì không có ưu, bi, khổ não, xa lìa trần cầu, như hoa sen trong ao không bị dính nước.

Khi Đức Phật thuyết giảng pháp này, thôn trưởng Lư Tánh xa lìa bụi bặm cầu nhiễm, đắc pháp nhãn thanh tịnh, thấy pháp, đắc pháp, hiểu pháp, tri pháp, vượt qua nghi hoặc, tự tâm tác chứng, không đi sai đường, chứng đắc sức hiểu biết trong giáo pháp của Đức Phật.

Ông ta rời chỗ ngồi, sửa lại phục, chắp tay bạch Phật:

—Thưa Thế Tôn, con đã giải thoát, từ nay về sau xin quy y Tam bảo làm vị Uú-bà-tắc, trọn đời con nguyện chánh tín thanh tịnh.

Thôn trưởng nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ, từ giã. Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### 129.

Một thời Đức Thế Tôn cùng đoàn người gồm đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, một ngàn vị Uú-bà-tắc, năm trăm hành khất, du hành ở nước Ma-kiệt-đề, từ thôn xóm này đến thôn xóm khác, từ thành này đến thành khác, đi đến khu lâm viên Mai điệp thuộc thành Na-la-kiền-đà và tạm nghỉ ở đó.

Có người thôn trưởng họ Bế Khẩu, là đệ tử của Ni-kiền Tử, nghe Đức Phật từ nước Ma-kiệt-đề du hành đến đây và đang ở trong khu lâm viên này, nên tự nghĩ: “Ta nên đến thưa với thầy Ni-càn-đà trước, sau đó mới đến gặp Cù-dàm”. Bế Khẩu liền đi đến gặp Ni-càn-đà, đánh lễ sát dưới chân, ngồi qua một bên.

Ni-càn-đà bảo Bế Khẩu:

—Ông có thể dùng song phương luận để vấn nạn Cù-dàm không? Như cho cá cắn lưỡi câu hai ngạnh, nuốt vào không được, nhả ra không xong. Song phương luận này cũng vậy, có thể làm cho đối phương không thể nhả ra hay nuốt vào.

Thôn trưởng đáp:

—Xin thầy dạy cho con, con sẽ đến hỏi. Thế nào là song phương luận, có thể làm cho Cù-dàm nhả không ra, nuốt không vào.

Ni-càn-đà nói:

-Ông đến gặp Cù-dàm, nói theo lời ta: Ngày Cù-dàm, có phải Ngài muốn tạo lợi ích cho các gia đình phải không? Nếu ông ta nói không muốn tạo lợi ích, thì nói ông ta có khác gì kẻ phàm ngu. Nếu ông ấy nói, muốn tạo lợi ích cho các gia đình, thì hỏi rằng: Vậy tại sao hiện nay Ngài đưa một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, một ngàn Ưu-bà-tắc, năm trăm hành khất đi từ thôn xóm này đến xóm thôn khác, từ thành này đến thành khác, phá hại nhiều nhà, những nơi đã đi qua bị Ngài chà đạp phá hoại làm thương tổn như mưa đá phá lúa. Đây gọi là phá hoại, chẳng phải là làm lợi ích.

Bế Khẩu học lời dạy xong, đến rừng Mai điệp, vào gặp Đức Phật, thăm hỏi qua loa rồi ngồi qua một bên, thưa với Đức Phật:

–Ngày Cù-dàm, Ngài muốn làm việc tăng trưởng lợi ích cho các gia đình phải không? Ngài thường tán thán về sự tăng trưởng lợi ích phải không?

Đức Phật đáp:

–Đối với cuộc sống này, Ta luôn luôn muốn thực hiện pháp tăng trưởng lợi ích.

Thôn trưởng lên tiếng:

–Nếu Ngài mong muốn sự lợi ích, vì sao hiện nay trong dân gian bị đói kém, lại cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, một ngàn Ưu-bà-tắc, năm trăm hành khất, cùng nhau đi từ thôn này đến xóm khác, từ thành phố này đến thành phố khác, làm tổn hại nhiều gia đình. Đây không phải là pháp tăng trưởng lợi ích, đó là tổn giảm, như mưa đá phá lúa. Ngài phá hoại dân chúng cũng như vậy.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Ta nhớ trong chín mươi mốt kiếp đã qua, không hề có một gia đình nào tự ý đem thực phẩm đã chín bốc thí mà đến nỗi bị tổn giảm. Ông hãy xem, tất cả các gia đình có nhiều tài sản, của báu quyền thuộc, tôm tít, voi ngựa bò dê... cơ nghiệp giàu có ấy, có trường hợp nào không do bốc thí mà được như vậy. Chính Ta do bốc thí vô hạn nên được quả báo này. Có tâm nhân duyên làm tổn hại các gia đình:

1. Bị vua xâm chiếm.
2. Bị giặc cướp đoạt.
3. Bị lửa đốt cháy.
4. Bị nước lụt cuốn trôi.

5. Mất dấu chỗ chôn của cải.
6. Sanh con ác không biết làm ăn.
7. Bị người có uy thế làm tổn hại tài sản.
8. Con xấu sử dụng tài sản không hợp lý.

Người thế gian đều nói tám việc này thường phá hoại gia đình. Nay Ta nói thêm về việc phá hoại thứ chín. Điều phá hoại thứ chín là vô thường.

Ngoài chín thứ này ra, ai cho rằng Sa-môn Cù-dàm hay phá hoại các gia đình, sự việc này không đúng. Ai loại trừ chín nhân duyên này, nói Sa-môn Cù-dàm hay phá hoại các gia đình, làm cho không phát triển, việc này cũng không đúng. Những người nào không từ bỏ lời nói này, không từ bỏ ý muốn này, như phí sức đập vào quả banh bìng da, rồi cũng bị đọa địa ngục.

Thôn trưởng Bế Khẩu khi nghe lời dạy này, rất sợ hãi, ưu sầu, lông tóc dựng ngược, đứng dậy lạy sát chân Phật, hướng về Phật thưa:

—Con xin thành tâm sám hối với Đức Phật, con quá ngu si, cũng như trẻ con, hành động bất thiện, ngay trước Đức Phật, nói ra lời dối trá hạ tiện, hư vọng không thật. Cầu xin Ngài thương xót cho phép con sám hối.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

—Ta biết rõ ông thành tâm, biết rõ tội mình, biết rõ sự ngu si như trẻ con, hành động bất thiện, nên đối với Đức Như Lai A-la-hán đã tạo hành động đại hư vọng hạ tiện. Hiện nay, ông đã tự biết tội, thành tâm sám hối, tăng trưởng pháp thiện, diệt trừ pháp ác. Ta thương xót ông, nhận sự sám hối này làm cho ông tăng trưởng pháp thiện, thường không thoái chuyển, hư hoại.

Khi ấy vị thôn trưởng họ Bế Khẩu nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ từ giã.

\*\*

### 130. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng Mai điệp, thuộc thành Na-la-kiền-dà.

Có người thôn trưởng họ Bế Khẩu suy nghĩ: “Ta muốn gặp Sa-môn Cù-dàm nhưng không gặp thầy Ni-càn-dà của ta trước thì

không được”. Ông ta đến gặp Ni-càn-đà, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên.

Ni-càn-đà bảo ông ta:

–Ta dạy ông cách vấn nạn bằng song phương luận, làm cho Sa-môn Cù-đàm không thể nhả ra mà cũng không thể nuốt vào.

Bế Khẩu hỏi:

–Thưa A-xà-lê, dùng luận song phương gì mà có thể làm cho Sa-môn Cù-đàm nhả không được, nuốt không trôi.

Ni-càn-đà nói:

–Ông hãy đến gặp Sa-môn Cù-đàm, nói rằng: Ngài không muốn tạo lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh hay là Ngài tán dương pháp đem lại lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sanh? Nếu ông ấy nói không muốn tạo lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh thì khác gì phàm phu ngu si ở thế gian. Nếu ông ấy nói muốn đem lại lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sanh, thì tại sao không bình đẳng thuyết pháp cho mọi người. Có trường hợp không được nghe thuyết pháp như nhau.

Người thôn trưởng ghi nhận lời dạy, đến gặp Đức Phật thăm hỏi qua loa rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Có phải Ngài không muốn tạo lợi ích an lạc cho các chúng sanh phải không? Hay là Ngài tán dương pháp đem lại an lạc, lợi ích?

Đức Phật nói:

–Ta luôn luôn muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh và thường tán thán pháp này.

Bế Khẩu nói:

–Như vậy, tại sao Ngài không thuyết pháp cho tất cả chúng sanh một cách bình đẳng. Có người không được nghe pháp?

Đức Phật bảo:

–Nay Ta hỏi, ông tùy ý đáp lại. Ví như người đời có ba loại ruộng. Có loại ruộng thượng hảo hạng, mầu mỡ phì nhiêu. Loại ruộng thứ hai tốt trung bình. Loại ruộng thứ ba ở đồng hoang xa xôi, lẩn cát, muối mặn. Như vậy, những người nông phu nên gieo giống ở loại ruộng nào trước.

Bế Khẩu đáp:

–Ai vì lợi ích đều gieo giống ở ruộng tốt trước để mong muốn thu đạt ích lợi lớn.

Đức Phật hỏi:

–Nếu ruộng tốt không còn thì gieo giống ở ruộng nào?

Bế Khẩu đáp:

–Sau đó là gieo giống ở ruộng trung bình. Sau khi gieo giống khắp ruộng trung bình thì mới gieo giống đến ruộng xấu nhất để mong thu hoạch chút ít về sau.

Đức Phật bảo:

–Ông nên biết ruộng thượng hạng cũng như các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta. Ta thuyết pháp cho họ, đầu giữa và cuối luôn toàn thiện, câu văn và ý nghĩa đều vi diệu, thành tựu lợi ích cho bản thân, lợi ích hoàn toàn, trong sáng đầy đủ, hiển lộ phạm hạnh. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy được nghe pháp của Ta rồi, y chỉ nơi Ta, quy y nơi Ta, nương tựa nơi Ta. Ta là thuyền trưởng đưa họ qua sông. Ta làm cho họ mở mắt thấy rõ, sống an lạc. Họ được nghe pháp rồi, bày tỏ: “Đức Phật vì chúng ta giảng dạy, chúng ta cần phải tận tâm tu hành, khiến cho chúng ta được lợi ích lâu dài, được an lạc thật sự”.

Ruộng trung bình như đệ tử Uu-bà-tắc, Uu-bà-di của Ta. Ta thuyết pháp cho họ, trước sau đều toàn thiện, câu văn và ý nghĩa đều vi diệu, thành tựu lợi ích cho bản thân, lợi ích hoàn toàn, đầy đủ trong sáng, hiển lộ phạm hạnh. Uu-bà-tắc, Uu-bà-di nghe pháp của Ta rồi, y chỉ nơi Ta, quy y nơi Ta, nương dựa nơi Ta. Ta là thuyền trưởng đưa họ qua sông. Ta làm cho họ mở mắt thấy rõ, sống an lạc. Họ được nghe pháp, bày tỏ: “Đức Phật vì ta giảng pháp. Chúng ta cần phải chú tâm tu hành, để cho chúng sanh được lợi ích lâu dài, được thật sự an lạc”.

Ruộng bậc hạ có lấp cát, muối mặn như ngoại đạo. Ta cũng thuyết pháp cho họ, đầu giữa và cuối toàn thiện... hiển lộ phạm hạnh. Những ngoại đạo ấy đều có thể nghe, ghi nhận, tùy theo sự ưa thích của họ, cho đến chỉ với một câu hiểu được nội dung để hướng đến. Ta cũng vì họ, luôn luôn giúp đỡ tạo lợi ích, để họ thật sự an lạc.

Bế Khẩu nghe lời Phật dạy, thưa:

–Hy hữu thay Đức Cù-dàm! Ngài nói ví dụ thật hoàn toàn chính xác.

Đức Phật bảo:

.-Để làm sáng tỏ ý nghĩa này, Ta nói thêm ví dụ: Ví như người đời có ba cái bồn để đựng nước. Cái thứ nhất rắn chắc lanh lẹn, không bị nứt, không bị thấm chảy. Cái thứ hai cũng lanh lẹn không bị hư, không bị nứt, nhưng bị thấm chảy chút ít. Cái thứ ba vừa bị hư vừa bị thấm rỉ.

Có người muốn rót nước vào, nên dùng bồn nào trước?

Đáp:

–Đầu tiên rót vào bồn không bị hư, thấm chảy. Sau khi bồn này đầy mới rót qua bồn thứ hai. Bồn này tuy nguyên vẹn không bị hư nhưng có thấm rỉ chút ít.

Đức Phật hỏi:

–Bồn thứ hai đầy rồi thì rót vào đâu?

Đáp:

–Bồn thứ ba tuy bị hư, thấm chảy, nhưng có thể rót nước đến chỗ không bị chảy để dùng tạm thời.

Đức Phật nói:

–Bồn thứ nhất dụ cho các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni của Ta. Ta thuyết pháp cho họ... *cho đến...* làm cho họ thực sự an lạc.

Bồn thứ hai dụ cho các đệ tử Uu-bà-tắc, Uu-bà-di của Ta. Ta thuyết pháp cho họ... *cho đến...* được thật sự an lạc.

Bồn thứ ba dụ cho các ngoại đạo. Ta thuyết pháp cho họ nghe và ghi nhớ nhiều ít... *cho đến...* khiến họ được lợi lạc thật sự.

Khi thôn trưởng Bế Khẩu nghe lời Phật dạy, tâm rất kinh sợ, ưu sầu lo lắng, toàn thân nổi gai ốc, đứng lên lạy sát dưới chân Phật, thưa:

–Con xin thành tâm sám hối với Đức Thế Tôn. Con quá ngu si như đức bé khờ, hành động bất thiện, đối trước Đức Phật, nói lời hạ tiện dối trá không thật. Cầu mong Ngài từ bi cho con được sám hối.

Đức Phật bảo ông ta:

–Ông đã chí tâm biết rõ tội mình, biết rõ thật ngu si như đứa bé, hành động bất thiện. Ông trực tiếp nói với Đức Như Lai lời dối trá hư vọng hạ tiện. Nay ông đã biết tội, thành tâm sám hối thì pháp thiện ngày càng tăng trưởng, điều ác bị tiêu diệt. Ta thương cảm ông, cho ông được sám hối, để tăng trưởng pháp thiện, không bị thoái chuyển.

Thôn trưởng Bế Khẩu nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, đánh lễ từ giã.

\*\*

### 131. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong rừng Mai điệp, thuộc thành Na-la-kien-dà.

Bấy giờ vị thôn trưởng, người họ Kết Tập Luận, suy nghĩ: “Ta không cần đến gặp Ni-kiền, nên đến chỗ Đức Phật”. Nghĩ thế rồi, ông ta đến gặp Đức Phật, sau khi thăm hỏi, ngồi qua một bên.

Đức Phật hỏi thôn trưởng Kết Tập Luận:

–Ni-càn-dà-nhã-đề Tử giảng thuyết những pháp gì cho các đệ tử?

Thôn trưởng thưa:

–Bạch Thế Tôn, Ni-càn-dà thường giảng dạy: Ai gây nghiệp giết hại, do giết hại nhiều lần, chắc chắn bị đọa vào cõi ác, đọa địa ngục. Cũng như vậy, trộm cắp, tà dâm, nói dối... do làm nhiều lần phải đọa địa ngục.

Đức Thế Tôn bảo thôn trưởng:

–Theo như chủ thuyết của Ni-càn-dà thì không có chúng sanh nào bị đọa xứ ác, địa ngục cả. Tại sao? Như Ni-càn-dà giảng dạy ai gây nghiệp sát hại nhiều lần phải bị đọa xứ ác, địa ngục. Ai gây nghiệp trộm cắp, tà dâm, nói dối... cũng như vậy. Trong đời sống, tất cả chúng sanh dùn thời gian sát hại thì ít, thời gian không sát hại thì nhiều. Nếu cho rằng do nhiều thời gian sát sanh mới bị đọa địa ngục. Trong khi đó thời gian để sát sanh thì ít, thời gian không sát sanh thì nhiều. Thế nên không thể nào bị đọa vào xứ ác địa ngục. Đối với trộm cắp, tà dâm, nói dối... cũng như vậy, thời gian để gây nghiệp thì ít, thời gian không gây nghiệp thì nhiều, tất nhiên không thể nào bị đọa vào xứ ác, địa ngục.

Đức Phật lại bảo thôn trưởng:

–Như vậy, theo lời ông nói, không có người nào bị đọa địa ngục cả.

Thôn trưởng bạch Phật:

–Thưa Đức Cù-đàm, đúng như vậy.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Ở thế gian có những đạo sư với khả năng suy nghĩ khéo léo, với trí tuệ phân biệt, trên cơ sở suy nghĩ ấy, trong phạm vi phàm phu, dùng ngôn ngữ biện tài của mình, thuyết giảng cho các đệ tử về pháp như thế này: “Ai tạo nghiệp sát sanh nhiều lần phải bị đọa xứ ác, địa ngục. Bởi vì nhiều thời gian tạo nghiệp nên bị đọa địa ngục. Đối với trộm cắp, tà dâm, nói dối cũng vậy, do nhiều thời gian tạo nghiệp nên bị rơi vào xứ ác, địa ngục”.

Các đệ tử của họ nhất tâm kính lời dạy của vị thầy ấy, chí tâm thọ trì, và bày tỏ: “Vị đạo sư của ta hiểu biết như thế kia, nhận thức như thế kia”.

Đến lượt các đệ tử này dạy các đệ tử của mình cũng giảng nói: “Đạo sư của ta đã nói rằng khi người nào sát sanh, do nhiều lần sát sanh bị đọa xứ ác, địa ngục”. Các đệ tử hạng cháu, tự nghĩ: “Trước đây ta sát sanh, chắc chắn phải bị đọa địa ngục. Trộm cắp, tà dâm và nói dối chắc chắn bị đọa xứ ác và rơi vào địa ngục”. Từ nguyên nhân trên phát sanh nhận thức này. Nhận thức đó gọi là tà kiến. Ai không xả bỏ tà kiến ấy thì không giải trừ được nghi hoặc, không tu sửa việc ác đã làm. Do nghiệp ác này thường tạo thêm các nghiệp ác. Vì tâm không được sửa đổi đầy đủ nên không có được tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn. Vì không có tâm giải thoát, tuệ giải thoát hoàn toàn nên phỉ báng Hiền thánh. Do phỉ báng Hiền thánh nên gọi là tà kiến.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Nếu có ai sanh tà kiến ấy thì chắc chắn đọa xứ ác, địa ngục. Tất cả chúng sanh do có nguyên nhân này làm tâm cấu bẩn nhiễm ô. Do nguyên nhân ấy khiến cho chúng sanh có tất cả nghiệp trói buộc.

Có Đức Phật Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, A-la-ha Tam-miêu-tam Phật-đà ra đời. Ngài dùng nhiều cách để chê trách việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... Ngài tán dương người có thăng pháp, có tin hiểu, xác quyết đúng đắn.

Họ bạch với Phật:

–Thế Tôn của con với tri kiến chân chánh thuyết giảng các loại giáo pháp, làm cho con được hiểu biết đúng như thật. Đệ tử của Ngài

cũng giảng pháp như vậy, bằng nhiều nhân duyên chê trách sát sanh, tán dương không sát sanh, dùng nhiều nhân duyên tán dương không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ. Trước đây ta đã từng sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... Ta vì sự việc này thường tự hối trách. Tự hối trách nên không gây thêm nghiệp ác. Do rất hối trách nghiệp ác này bằng cách sám hối, nên các nghi, hối đều được trừ diệt, tăng trưởng nghiệp thiện, không còn tiếp tục sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối... Sám hối những điều đã làm trước đây và sau này không còn gây nghiệp ác nữa. Vì thực hiện như vậy nên đạt được đầy đủ tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Do tâm và tuệ đầy đủ nên không phả báng Hiền thánh. Do không phả báng Hiền thánh nên được chánh kiến.

#### Đức Phật bảo thôn trưởng:

—Nhờ thường tu tập chánh kiến nên sau khi qua đời được đi vào xứ thiện, sanh lên cõi Trời. Tâm tất cả chúng sanh được thanh tịnh nhờ thường sám hối với chánh kiến. Sám hối làm cho thanh tịnh các nghiệp ác buộc với phiền não, tội lỗi cấu uế của chúng sanh.

Đệ tử của bậc Hiền thánh nghe được việc này liền quan sát tu tập: “Trong suốt ngày đêm, giờ phút giây đã trôi qua, thời gian giết hại nhiều hay thời gian không giết hại nhiều? Suy luận cho chính xác thì thời gian sát hại ít, thời gian không sát hại nhiều. Trong thời gian ta hành động sát hại, ta thật bất thiện, hành động phi lý. Từ nay về sau ta không sát sanh nữa. Ta đối với tất cả các loài không còn hiềm khích, hận thù, đố kỵ nữa. Do vậy nên sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm hoan hỷ nên ái lạc phát sanh, do ái lạc sanh nên được hỷ lạc, do hỷ lạc sung mãn nên thọ hưởng an lạc, do thọ hưởng an lạc nên tâm được an định”.

Đệ tử của bậc Hiền thánh vì tâm được định nên kết hợp với tâm Từ. Đã kết hợp với tâm Từ thì không oán hận, không đố kỵ, tâm quảng đại, tâm vượt xa vô lượng, vô biên. Do tu tâm Từ một cách thiện xảo nên đối với tất cả chúng sanh ở hướng Đông không có oán hận. Phương Nam, Tây, Bắc bốn hướng và trên dưới cũng như vậy. Tâm Từ bao trùm khắp cả thế giới.

Đệ tử của bậc Hiền thánh hiểu biết như thế rồi phải tu hành theo tâm thiện này, trụ trong pháp thiện này.

Bấy giờ Thế Tôn lấy chút ít đất đặt trong móng tay, hỏi thôn trưởng:

–Đất trên mặt đất nhiều hay đất trong móng tay Ta nhiều?

Thôn trưởng đáp:

–Đất trong móng tay quá ít, không thể so sánh với đất trên mặt đất, đến gấp trăm lần, ngàn lần, ngàn ức lần cũng không thể tỉ dụ so sánh được.

Đức Phật bảo thôn trưởng:

–Những tội do nghiệp đã tạo tác như đất trên móng tay, tâm Từ như đất trên đại địa, không thể lường được bằng tính toán, ví dụ.

Thôn trưởng thưa:

–Đúng vậy, đúng vậy! Nghiệp ác có thể so sánh tính toán được.

Với nghiệp ác hạn hẹp như vậy không thể đưa người vào cõi ác đạo. Cũng không thể trụ, cũng không thể tính kể. Phàm người hành tâm Từ thì công đức đạt được như đất ở đại địa, tội sát sanh như đất trên móng tay. Công đức của tâm Bi như đất trên đại địa, tội trộm cắp như đất trên móng tay. Công đức của tâm Hỷ như đất trên đại địa, tội tà dâm như đất trên móng tay. Công đức của tâm Xả như đất trên đại địa, tội nói dối như đất trên móng tay.

Khi Đức Như Lai phân biệt giảng dạy pháp này, vị thôn trưởng nghe lời Phật dạy liền xa lìa bụi bặm cầu uế đạt được nhãn thanh tịnh, chứng pháp, thấy pháp, tri pháp, thông suốt các pháp, vượt qua các nghi hoặc, tự mình thấu triệt, không phải do tin người khác. Ông ta rời chỗ ngồi, sửa lại y phục, chấp tay bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con đã được độ, con đã được độ. Con xin quy y Phật, quy y Pháp, Tăng, trọn đời tín tâm thanh tịnh làm vị Ưu-bà-tắc.

Thôn trưởng lại bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, ai vì lợi dưỡng nên mắng chửi thô ác, ngày càng tăng thêm ác, tài sản của mình đã mất thì làm sao được lợi ích. Con cũng như vậy, vì lợi lộc nên thân cận Ni-kiền ngu si, bất thiện. Con vì ngu si khờ dại nên thân cận họ, cúng dường cung kính. Với họ, con không được lợi ích gì, bị họ che đậy, sắp bị đọa địa ngục. Thế Tôn đã cứu con thoát ly cõi ác. Lần nữa con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, trọn đời làm Ưu-bà-tắc. Nay con từ bỏ tất cả tâm tin tưởng,

kính ngưỡng, tôn trọng trước đây đối với Ni-kiền ngu si. Lần thứ ba, con xin quy y Phật, Pháp, Tăng bảo, trọn đời tín ngưỡng làm vị Ưu-bà-tắc.

Khi ấy thôn trưởng họ Tạo Luận nghe lời Phật dạy, hoan hỷ đánh lễ rồi từ giã.

**Kệ tóm lược:**

*Động dao và đấu tranh  
Điều mā với ác tánh  
Đánh phát cùng Mâu-ni.  
Vương phát và họ Lư  
Đối kém với ruộng giống  
Thuyết luận gì là mười.*



## BIỆT DỊCH KINH TẠP A-HÀM

### QUYẾN VIII

#### 132. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ đến chỗ Đức Phật, lạy sát dưới chân, ngồi qua một bên. Ánh sáng của vị trời ấy chói lợi, chiếu sáng khắp cả Kỳ viênn. Vị trời ấy sau khi an trụ, nói kệ:

*Sống ở A-lan-nhã  
Tịch diệt, tu phạm hạnh  
Ngày chỉ ăn một bữa  
Dung mạo rất hoan hỷ.*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Không sâu nhớ quá khứ  
Không lo cầu vị lai  
Chánh trí hiện tại, ăn  
Chỉ để nuôi thân thể  
Sáu tình đều vui vẻ  
Nên dung mạo nhu hòa.  
Lo lắng việc chưa đến  
Hối tiếc việc đã qua  
Như cỏ non mới mọc  
Bị cắt phơi giữa trưa  
Phàm phu tự phơi khô  
Việc này cũng như vậy.*

Vị trời lại nói kệ tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy  
Bà-la-môn Niết-bàn*

*Từ lâu bở ghét sợ  
Vượt tham ái thế gian.*

Vị trời ấy nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

\*\*  
\*

### 133. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm có vị trời hào quang rực rõ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viê, đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên, bạch Phật bằng kệ:

*Có những kẻ kiêu mạn  
Không chế ngự các căn  
Giả dạng tu thiền định  
Sống phóng dật trong rừng  
Do phóng dật như vậy  
Không thể thoát bờ chết.*

Thế Tôn nói kệ:

*Lìa mạn, thường nhập định  
Quán tưởng biết rõ pháp  
Giải thoát hết trở ngại  
Rừng vắng, không phóng dật  
Do sống không phóng dật  
Vượt qua khỏi bờ chết.*

Vị trời nói kệ khen:

*Thuở xưa đã từng thấy  
Bà-la-môn Niết-bàn  
Vứt bỏ sợ và ghét.  
Vượt qua ái ở đời.*

Vị trời này nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

\*\*

**134. Tôi nghe như vầy:**

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viê, đến gặp Đức Phật, đánh lẽ sát dưới chân rồi ngồi qua một bên, nói kệ:

*Làm sao suốt ngày đêm  
Phước nghiệp thường tăng trưởng  
Trì giới đúng như pháp  
Ai đến được cõi thiên?*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Trồng cây, gây vườn rừng  
Làm cầu đờ qua sông  
Đào giếng nơi đồng khô  
Làm nhà trợ đường chính  
Người này suốt ngày đêm  
Phước nghiệp thường tăng trưởng.  
Người trì giới chánh pháp  
Đúng vậy, hướng cõi trời.*

Vị trời tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy  
Bà-la-môn Niết-bàn  
Bỏ hẳn ganh tị, sợ  
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về Thiên cung.

\*\*  
\*

**135. Tôi nghe như vầy:**

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viê, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Làm gì được sức mạnh,  
Làm gì được sắc đẹp,  
Cho gì được an lạc  
Duyên gì được mắt tịnh?  
Cho tất cả là gì?  
Xin vì con giảng dạy.*

Đức Phật nói kệ đáp:

*Cho ăn uống được sức  
Cho áo được sắc đẹp  
Cho xe được an lạc  
Cho đèn được mắt sáng  
Cho tất cả chỗ ở  
Dạy đệ tử đúng pháp  
Thường bố thí như vậy  
Gọi là thí cam lô.*

Vị trời tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy  
Bà-la-môn Niết-bàn  
Xả lìa hận ghét, sợ  
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nói kệ xong, hoan hỷ trở về cung.

\*\*

### 136. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả Kỳ viê, đến gặp Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Trời, người trong thế gian  
Ăn uống sanh vui mừng  
Trong thế gian không có  
Ăn uống không vui thích.*

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ai tín tâm bố thí  
Khiến tâm rất thanh tịnh  
Đời này và đời sau  
Phước ăn uống theo luôn.*

Vị trời ấy nghe lời Phật dạy, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Ngài nói kệ này rất hay! Bạch Thế Tôn, con nhớ thời quá khứ có một vị vua ở cõi người, tên là Trì Hoãn, vị Quốc vương này thường bố thí thức ăn uống ở bốn cửa thành và chợ búa trong thành.

Phu nhân của vua tâu với vua:

–Nay nhà vua làm phước, xin cho phép chúng thiếp hổ trợ theo vua làm phước.

Nhà vua nghe tâu, đem thức ăn để bố thí ở cửa thành phía Đông giao lại cho phu nhân.

Thái tử của vua cũng tâu lên phụ vương:

–Cha mẹ tu tập phước đức, con cũng muốn làm theo.

Nhà vua nghe tâu, đem thức ăn để bố thí ở cửa thành phía Nam giao lại cho Thái tử.

Sau đó, phụ tướng tâu lên vua:

–Nay nhà vua, phu nhân, thái tử đều làm phước nghiệp. Xin cho phép hạ thần được hổ trợ công việc ấy.

Nhà vua nghe tâu, đem thức ăn để bố thí ở cửa thành phía Tây giao lại cho quan phụ tướng.

Khi ấy, quần thần cùng tâu vua:

–Phu nhân, thái tử, quan phụ tướng đều tu tập phước đức, chúng hạ thần muốn hổ trợ công việc này.

Nhà vua nghe tâu, bèn đem thức ăn để bố thí ở cửa thành phía Bắc giao lại cho quần thần.

Lúc ấy dân chúng trong nước lại tâu vua:

–Phu nhân, thái tử, phụ tướng, quần thần đều tu phước đức, xin cho phép chúng thần được tu tập phước nghiệp.

Nhà vua nghe tâu lại đem của bố thí giao cho dân chúng. Khi ấy người quản lý việc bố thí tâu vua:

—Sở hữu của vua để bối thí ở bốn cửa thành đều giao lại cho phu nhân, thái tử, phụ tướng, đại thần, dân chúng trong nước, như vậy sự bối thí ấy đã cất đứt công việc bối thí của vua và làm kiệt quệ kho tàng.

Nhà vua liền ra lệnh:

—Những vật đã xuất thì đem cho hết. Từ nay về sau những vật tiến cống của các nước nhỏ ở phương khác, một nửa nhập kho tàng, một nửa dùng bối thí, tu phước.

Bạch Thế Tôn, bây giờ con luôn luôn làm phước, con luôn luôn được quả báo đầy đủ, thường được hỷ lạc, được thọ hưởng phước báo vô cùng tận, không thấy giới hạn. Theo như quả báo lớn con đã thọ nhận được, mới biết Thế Tôn nói kệ này thật hoàn toàn.

Bấy giờ thiên tử Trì Hoan nghe lời Phật dạy, vô cùng hoan hỷ, đánh lễ sát chân Phật, rồi trở về Thiên cung.

\*\*  
\*

### 137. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-dà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường, chiếu sáng cả khu Kỳ viê, đến gặp Phật, lạy sát chân Ngài, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Đi xa đến nước khác  
Lấy ai làm người thân  
Trong đời sống gia đình  
Lấy ai làm người thân  
Trong vấn đề tài sản  
Lấy ai làm bạn thân  
Và khi đến đời sau  
Lấy ai làm người thân?*

Khi ấy Thế Tôn nói kệ:

*Ai đi đến nước khác  
Bạn đường là người thân,  
Sống trong gia đình mình  
Mẹ hiền là chí thân*

*Trong kinh doanh tài lợi  
Quyến thuộc là thân hữu  
Phước đức người thường tu  
Là bạn thân đời sau.*

Vị trời tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy  
Bà-la-môn Niết-bàn  
Từ bỏ, ghét và sợ  
Vượt qua ái thế gian.*

Bấy giờ vị trời nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giã.

\*\*  
\*

### 138. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viênn, đến chỗ Đức Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

*Tuổi thọ người không định  
Từng ngày về đường chết  
Bị vô thường cướp đoạt  
Mang sống quá ngắn ngủi.  
Già đến giết trẻ đẹp  
Không ai có thể cứu  
Lo sợ hướng về chết  
Làm phước đến cõi vui.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Tuổi thọ người bất định  
Từng ngày đi đường chết  
Bị vô thường cướp đoạt  
Mạng sống quá ngắn ngủi.  
Già đến cướp trẻ đẹp  
Không có ai cứu được*

*Lo sợ hướng về chết  
Muốn được vui tịch diệt  
Nên bỏ năm dục lạc  
Không được tham đắm nữa.*

Vị trời tán thán bằng kệ:

*Thuở xưa đã từng thấy  
Bà-la-môn.Niết-bàn  
Từ bỏ hẳn ghét sợ  
Vượt hẳn ải thế gian.*

Vị trời nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành, rồi từ giã.

\*\*  
\*

### 139. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng khắp khu Kỳ viê, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

*Bốn mùa trôi qua mãi  
Mạng sống cạn theo ngày  
Tráng niên không dừng lâu  
Sợ hãi chết đến nơi  
Vì hướng đến Niết-bàn  
Phải siêng năng tu phước.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Bốn mùa trôi qua mãi  
Mạng sống cạn theo ngày  
Tráng niên không ngừng lại  
Sợ hãi chết đến nơi  
Thấy được khổ sanh tử  
Nên sanh tâm sợ hãi  
Bỏ năm dục ở đời  
Nên cầu nơi giải thoát.*

Vị trời nói kệ:

*Thuở xưa đã từng thấy  
Bà-la-môn Niết-bàn  
Từ bỏ hẳn ghét sợ  
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời này nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giã.

\*\*  
\*

140. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng khắp khu Kỳ viênn, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật bằng kệ:

*Chánh tư duy pháp gì?  
Nên vứt bỏ pháp gì?  
Tu hành thắng sự gì?  
Thành tựu những điều gì?  
Vượt qua dòng nước mạnh  
Được gọi là Tỳ-kheo?*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Ai đoạn trừ năm che  
Vứt bỏ hẳn năm dục  
Tu năm cẩn tăng trưởng  
Thành tựu năm phân pháp  
Vượt qua dòng nước mạnh  
Được gọi là Tỳ-kheo.*

Vị trời tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy  
Bà-la-môn Niết-bàn  
Từ bỏ hẳn ghét sợ  
Vượt hẳn ái thế gian.*

Vị trời nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giã.

\*\*

**141. Tôi nghe như vậy:**

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng khắp cả khu Kỳ viêng, đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, bạch Phật:

*Ai ngủ gọi là thức  
Ai thức nhưng là ngủ  
Nhiêm trần cấu là gì  
Thế nào được thanh tịnh?*

Đức Phật nói kệ đáp:

*Người nào giữ năm giới  
Tuy ngủ gọi là thức  
Ai làm năm điều ác  
Tuy thức gọi là ngủ  
Ai bị năm ấm che  
Gọi là nhiễm trần cấu  
Chứng năm phần vô học  
Là thanh tịnh lìa bụi.*

Vị trời nói kệ tán thán:

*Thuở xưa đã từng thấy  
Bà-la-môn Niết-bàn  
Từ bỏ hẳn ghét sợ  
Vượt hẳn ái thế gian.*

Vị trời nghe lời Phật dạy hoan hỷ từ giã.

Kệ tóm tắt:

*A-luyện-nhã, kiêu mạn  
Tu phước ngày đêm tăng  
Làm sao được sức mạnh  
Vật gì sanh hoan hỷ  
Viễn chí, cường thân bức  
Ngày đêm có tổn giảm  
Tư duy và ngủ thức.*

**142. Tôi nghe như vầy:**

Một thời, Đức Phật ở khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Vào giữa đêm, có một vị trời với hào quang rực rỡ khác thường chiếu sáng cả khu Kỳ viê, đến chỗ Đức Thế Tôn, ngồi qua một bên, nói kệ:

*Người nào có con cháu  
Thì sống được hoan hỷ  
Có cửa báu, vật nuôi  
Thì cũng được hoan hỷ  
Khi người nào thọ thân  
Thì cũng được hoan hỷ  
Người nào thấy không thân  
Thì tâm không hoan hỷ.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Người nào có con cháu  
Thì thường sanh phiền não  
Cửa báu và vật nuôi  
Đều là gốc khổ não  
Khi người nào thọ thân  
Thời còn khổ ưu não  
Nếu ai không thọ thân  
Thì sống vui tịch diệt.*

Vị trời nói kệ tán dương:

*Thuở xưa đã từng thấy  
Bà-la-môn Niết-bàn  
Từ bỏ hết ghét, sợ  
Vượt qua ái thế gian.*

Vị trời nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giã.

\*\*

**143. Tôi nghe như vầy:**

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trên đời có ba loại ngựa chưa được điều phục, mà tất cả mọi người đều biết. Có loại ngựa chạy nhanh, không có sắc đẹp, không đủ khả năng để vận tải. Lại có loại ngựa chạy nhanh, có sắc đẹp, không đủ khả năng để vận tải. Có loại ngựa tốt, chạy nhanh, có sắc đẹp, lại có đủ khả năng để chuyên chở.

Có ba hạng người như ba loại ngựa chưa được điều phục. Ba hạng này biểu hiện cho tri kiến của họ trong giáo pháp của Đức Phật. Thế nào là ba?

Có người đủ khả năng chạy nhanh, không có sắc đẹp, không có khả năng vận tải.

Có người đủ khả năng chạy nhanh, sắc đẹp đầy đủ nhưng không có khả năng vận tải.

Có người có khả năng chạy nhanh, sắc đẹp, khả năng vận tải đều đầy đủ.

Hạng người nào đủ khả năng chạy nhanh, không đầy đủ sắc đẹp, không có khả năng vận tải?

Sống trong giáo pháp, có người như thật tri về khổ, như thật tri về nguyên nhân của khổ, như thật tri về khổ diệt, như thật tri về con đường đưa đến khổ diệt. Với tri kiến này, họ đoạn trừ ba kết sử là thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Sau khi đoạn trừ ba kết sử này, họ đắc quả Tu-dà-hoàn, không còn đọa vào xứ ác, đã quyết định với đạo, chỉ còn sanh tử trong các cõi Trời, Người bảy lần là chấm dứt cảnh giới khổ. Đây gọi là hạng có khả năng chạy nhanh.

Hạng người nào không đầy đủ sắc đẹp?

Người được hỏi về A-tỳ-dàm, Tỳ-ni thì không hoàn toàn thông suốt. Họ không thể hiểu và giải thích câu hỏi sâu xa, không thể giảng thuyết với câu và ý nghĩa tương ứng, không thể thuyết minh đầy đủ, đúng lý. Đây gọi là người không đầy đủ sắc đẹp.

Thế nào gọi là hạng không vận tải đầy đủ?

Hạng người ít phước đức, sống trong hoàn cảnh không có phước đức, không được lợi dưỡng về y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược. Đây là hạng không vận tải đầy đủ.

Trên đây là hạng có khả năng chạy nhanh, không đầy đủ sắc đẹp và không vận tải đầy đủ.

Thế nào là hạng đầy đủ khả năng chạy nhanh, đầy đủ sắc đẹp, nhưng không vận tải đầy đủ?

Hạng đầy đủ khả năng chạy nhanh là gì?

Sống trong giáo pháp, có người như thật tri về khổ, như thật tri về khổ tập, như thật tri về khổ diệt, như thật tri về con đường đưa đến khổ diệt. Với tri kiến này, họ đoạn trừ ba kết sử, đó là thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Sau khi đoạn trừ ba kết sử này, họ chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào xứ ác, đã quyết định với đạo, chỉ còn sanh tử trong cõi Trời, Người bảy lần là chấm dứt cảnh giới khổ. Đây là hạng đầy đủ khả năng chạy nhanh.

Thế nào là hạng đầy đủ sắc đẹp?

Khi được vấn nạn về A-tỳ-dàm, Tỳ-ni, họ đầy đủ khả năng giải thích với văn từ và ý nghĩa thích ứng, phô diễn hợp lý. Đây là hạng đầy đủ về sắc đẹp.

Thế nào là hạng vận tải không đầy đủ?

Hạng người ít phước đức, sống trong hoàn cảnh không có phước đức, không được lợi dưỡng về y phục, thức ăn, ngoa cụ và thuốc thang.

Đây là hạng đầy đủ việc chạy nhanh, đầy đủ sắc đẹp, nhưng không vận tải đầy đủ.

Thế nào là hạng có sức chạy nhanh, có sắc đẹp, khả năng vận tải đầy đủ?

Hạng nào là có sức chạy nhanh?

Trong giáo pháp này, người như thật tri về khổ, như thật tri về tập, như thật tri về khổ diệt, như thật tri về con đường đưa đến khổ diệt. Với tri kiến như thật này, họ đoạn trừ ba kết sử, đắc quả Tu-đà-hoàn, chỉ bảy lần sanh lại trong cõi trời, người, không còn đọa vào xứ ác. Đây gọi là hạng có đầy đủ sức chạy nhanh.

Hạng nào là có đầy đủ sắc đẹp? Nếu có người vấn nạn về A-tỳ-dàm, Tỳ-ni, họ có khả năng giải thích thông suốt, văn nghĩa khế hợp nhau, trình bày hợp lý. Đây gọi là hạng đầy đủ sắc đẹp.

Hạng nào vận tải đầy đủ? Hạng người có nhiều phước đức, sống trong cảnh có nhiều phước đức, thường được lợi dưỡng về y phục, thức ăn, ngoa cụ, thuốc thang. Đây gọi là hạng vận tải đầy đủ.

Đây gọi là hạng đầy đủ cả ba phương diện: chạy nhanh, sắc đẹp và vận tải.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

#### 144. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

—Trên đời có ba loại ngựa được huấn luyện thuần thực. Có loại ngựa đầy đủ sức khỏe, chạy nhanh nhưng không đầy đủ về sắc đẹp và vận tải. Có loại: ngựa đầy đủ sức chạy nhanh, sắc đẹp nhưng không đầy đủ về vận tải. Có loại ngựa đầy đủ cả ba việc ấy.

Có ba hạng người khác nhau như ba loại ngựa trên. Ba hạng này được biểu hiện bằng tri kiến của họ trong Phật pháp.

Có người đầy đủ sức chạy nhanh, nhưng sắc đẹp và khả năng vận tải không đầy đủ. Có người đầy đủ hai điều kiện sau nhưng không đầy đủ điều kiện thứ nhất. Có người đầy đủ cả ba điều kiện.

Người nào đầy đủ điều kiện một, không đầy đủ hai điều kiện sau?

Trong Phật pháp có người như thật tri về khổ, như thật tri về khổ tập, như thật tri về khổ diệt, như thật tri về con đường đưa đến khổ diệt, đoạn năm hạ phần kết, đắc quả A-na-hàm. Người này không còn trở lại, không còn đọa vào xứ ác.

Thế nào là không đầy đủ sắc đẹp?

Có người vấn nạn về A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, họ không thể giải thích với văn và nghĩa hợp lý, không thể trình bày thích đáng. Đây gọi là sắc đẹp không đầy đủ.

Thế nào là vận tải không đầy đủ?

Người có ít phước đức, đời sống không thuận tiện, không có phước đức lớn, không được lợi dưỡng về y phục, ăn uống, ngoại cụ, thuốc thang. Đây gọi là không đầy đủ điều kiện vận tải.

Thế nào là hạng thứ hai? Đầy đủ hai điều kiện đầu, không đầy đủ điều kiện thứ ba?

Hạng người này ở trong Phật pháp thấy bốn Chân đế, cho đến đoạn trừ năm hạ phần kết, đắc A-na-hàm. Có người vấn nạn về A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, họ có khả năng diễn giải thuyết minh. Ngoài ra như đã

trình bày ở trên. Điều kiện thứ ba không đầy đủ như trình bày ở trên. Đây là hạng thứ hai, đầy đủ hai điều kiện trên, không đầy đủ điều kiện thứ ba.

Thế nào là hạng thứ ba đầy đủ cả ba điều kiện?

Người này ở trong Phật pháp đã như thật tri về kiến về bốn Chân đế, đắc quả A-na-hàm... cho đến có nhiều phước đức, được nhiều lợi dưỡng. Đây là hạng thứ ba đầy đủ cả ba điều kiện.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

#### 145. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Trong thế gian đã có ba loại ngựa đã được điều phục hoàn toàn. Người cũng có ba hạng như vậy.

Hạng thứ nhất đầy đủ một trong ba mặt: chạy nhanh, sắc đẹp, vận tải. Có người sống trong Phật pháp như thật tri về bốn Chân đế, đã đoạn trừ ba lậu; là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, đầy đủ giải thoát tri kiến, đoạn tận các hữu kết, tâm được tự tại, sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc đã làm xong, không thọ thân sau, đắc A-la-hán. Đây là đầy đủ về chạy nhanh. Ngoài ra như đã nói ở trên.

Thế nào là hạng thứ hai đầy đủ mặt một và hai, không đầy đủ mặt thứ ba?

Có người ở trong Phật pháp như thật tri về kiến về bốn Thánh đế... cho đến đắc A-la-hán. Nếu có người hỏi, trả lời thông suốt... *như trên...*

Thế nào là hạng thứ ba, đầy đủ cả ba mặt?

Người này ở trong Phật pháp như thật tri về kiến về bốn Thánh đế,... cho đến có phước đức... được lợi dưỡng,... đây gọi là ba sự việc đều đầy đủ.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### 146. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

—Có ba loại ngựa được khéo huấn luyện để cõi, xứng đáng được vua và vương tử cõi. Thế nào là ba loại? Đó là đầy đủ về chạy nhanh, đầy đủ về sắc đẹp, đầy đủ về vận tải.

Có ba hạng Tỳ-kheo cũng như ba loại ngựa kia. Tỳ-kheo nào đầy đủ ba việc, đáng được lễ bái, cúng dường, tán thán. Đây gọi là đầy đủ ba việc.

Thế nào là đầy đủ về sắc đẹp?

Tỳ-kheo nào trì giới đầy đủ, hộ trì hoàn toàn Ba-la-đề-mộc-xoa, qua lại, ra vào, đầy đủ các uy nghi, tâm sợ hãi đến những tội lỗi nhỏ nhặt, kiên trì về giới luật, không có vi phạm. Đây gọi là đầy đủ sắc đẹp.

Thế nào là đầy đủ về sức lực?

Tỳ-kheo nào đối với pháp ác chưa sanh, làm cho không sanh; pháp ác đã sanh, làm cho tiêu diệt; pháp thiện chưa sanh, làm cho phát sanh; pháp thiện đã sanh làm cho tăng trưởng. Đây gọi là đầy đủ sức lực.

Thế nào là đầy đủ về chạy nhanh?

Tỳ-kheo nào ở trong Phật pháp đã như thật tri về kiến về bốn chân đế, đây gọi là đầy đủ về chạy nhanh.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### 147. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

—Có bốn loại ngựa hay, xứng đáng để hàng vương giả cõi. Thế nào là bốn? Được điều phục hoàn toàn, chạy nhanh, kham nhẫn ở yên, không đá lộn.

Tỳ-kheo thành tựu bốn đức tánh như vậy, xứng đáng được mọi người quy ý, cúng dường, lễ bái, chắp tay cung kính là phước điền vô thượng trong thế gian. Thế nào là bốn? Đó là được điều phục hoàn toàn, nhanh nhẹn, kham nhẫn an định, không tán loạn.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

#### 148. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Có bốn loại ngựa đáng để người hiền cõi, có mặt trong thế gian này. Thế nào là bốn?

- Loại thứ nhất: Thấy bóng roi giơ lên liền kinh sợ, tùy ý người điều khiển.

- Loại thứ hai: Roi vừa chạm vào lông trên thân liền kinh sợ, tùy ý người điều khiển.

- Loại thứ ba: Roi chạm đến thịt thì sợ, tùy ý người điều khiển.

- Loại thứ tư: Roi buốt đến thịt xương sau đó mới kinh sợ, tùy ý người điều khiển.

Bậc trưởng phu cũng có bốn hạng. Thế nào là bốn?

- Hạng thứ nhất: Nghe ở thôn xóm khác có người nam hay nữ bị bệnh nặng, rất đau khổ đến gần chết; nghe nói như vậy, người này đối với pháp thế tục nhảm chán, biết rõ, do nhảm chán nên chí tâm tu tập pháp thiện. Đây gọi là hạng trưởng phu được điều thuận, như ngựa thấy bóng roi liền theo ý người điều khiển.

- Hạng thứ hai: Nghe ở trong xóm làng của mình có người nam hay nữ bị bệnh nặng đến gần chết rồi qua đời; thấy sự việc này rồi, người ấy sanh tâm nhảm chán, do nhảm chán nên chí tâm tu tập pháp thiện. Đây gọi là hạng trưởng phu được điều thuận, như ngựa bị roi vừa chạm vào lông thân liền tùy ý người điều khiển.

- Hạng thứ ba: Tuy thấy trong làng xóm mình có người bị bệnh, chết vẫn sanh tâm nhảm chán, nhưng khi thấy thân thuộc, bạn bè, người hỗ trợ mình bị bệnh quá nặng, cho đến qua đời, sau đó mới

sanh tâm nhảm chán thế gian. Do nhảm chán nên siêng năng tu hành hạnh thiện. Đây là hạng trượng phu được điều thuận như ngựa bị roi chạm vào thịt liền theo ý người điều khiển.

• Hạng thứ tư: Tuy thấy bà con thân thuộc, bạn bè bị bệnh qua đời, vẫn không sanh lòng nhảm chán, nhưng khi tự thân bị bệnh rất nguy kịch, rất đau đớn, quá đau khổ, không vui chút nào, sau đó mới sanh tâm nhảm chán. Do tâm nhảm chán, tu hành các hạnh thiện. Đây là bậc trượng phu như ngựa bị roi đánh buốt vào xương cốt mới theo ý người điều khiển.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

#### 149. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ngựa có tám tánh xấu, cả thế gian đều biết và thấy trong hiện tại. Những gì là tám?

• Thứ nhất: Khi người cõi ngựa, giật dây cương điều khiển bằng roi để đi đường xa thì ngựa dữ này cắn ngầm, nhảy vòng vòng, bứt dây cương, phá nát dụng cụ để cõi, làm thân thể bị tổn thương. Đây là tánh xấu của ngựa.

• Thứ hai: Khi được người cõi, ngựa dữ này không tiến tới, nhảy vọt lên, không chịu sự khống chế, phá nát dụng cụ cõi ngựa.

• Thứ ba: Khi được người cõi, không chịu đi trên đường lô, nhảy bừa vào hào, vào hố.

• Thứ tư: Khi được người cõi, không chịu tiến tới lại chạy thusat lui.

• Thứ năm: Không biết sợ đau đớn chút nào với roi vọt của người điều khiển.

• Thứ sáu: Khi bị người cõi điều khiển bằng roi, ngựa nhảy chồm lên đứng bằng hai chân.

• Thứ bảy: Người cõi muốn ngựa chạy, nó lại nằm lăn ra đất, không chịu chạy tới.

• Thứ tám: Người cõi muốn ngựa đi, nó lại đứng yên.

Những người tu học trong Phật pháp cũng có tám lỗi như vậy. Thế nào là tám?

- Thứ nhất: Tỳ-kheo nào được vị đồng phạm hạnh đem việc thấy, nghe, nghi để cảnh giác cho, liền bảo với vị kia rằng: “Hiện nay ông còn nhỏ, không trí tuệ, không hoàn thiện, không hiểu rõ, hãy đi cảnh giác người khác, tại sao lại muốn cảnh giác ta? Ông đã có lỗi còn đi nêu việc của người khác ra”. Tỳ-kheo như vậy giống như loại ngựa thứ nhất.

- Thứ hai: Vị đồng phạm hạnh thấy Tỳ-kheo có tội về kiến, văn, nghi nên nhắc bảo với người có tội rằng: “Hiện nay ông đã phạm tội như thế”. Khi ấy người có tội lại bảo với vị kia: “Hiện nay ông cũng đã phạm tội như vậy, hãy sám hối đi rồi mới nêu tội tôi lên”. Người như vậy có những lỗi lầm như loại ngựa thứ hai.

- Thứ ba: Tỳ-kheo nào có tội về kiến, văn, nghi, bị người khác nêu ra, liền nói quanh co, tùy theo nơi ái, sân, sơ, si mà tâm sanh phẫn nộ. Người như vậy có lỗi như loại ngựa thứ ba.

- Thứ tư: Tỳ-kheo nào có tội về kiến, văn, nghi, bị người khác nêu lên, liền bảo người cử sự: “Về việc phạm tội ấy, tôi không nhớ gì cả”. Nên biết người này có lỗi như loại ngựa thứ tư.

- Thứ năm: Tỳ-kheo nào phạm vào tội về kiến, văn, nghi, bị vị đồng phạm hạnh đến nêu tội ấy ra. Khi đó người phạm tội thu xếp y bát tự ý bỏ đi nơi khác, tâm không nể sợ chúng Tăng và người cử sự gì cả. Nên biết người này có lỗi như loại ngựa thứ năm.

- Thứ sáu: Tỳ-kheo nào phạm tội về kiến, văn, nghi, bị đồng phạm hạnh cử tội ấy lên. Khi đó, người phạm tội vẫn ngồi ở chỗ cao, cùng các vị Trưởng lão Tỳ-kheo tranh luận đạo lý, quơ tay nói lớn, bày tỏ: “Tất cả các người đều phạm tội về kiến, văn, nghi vậy mà nói tôi phạm tội ấy”. Nên biết người này có lỗi như loại ngựa thứ sáu.

- Thứ bảy: Tỳ-kheo nào phạm tội về kiến, văn, nghi, các Tỳ-kheo thanh tịnh cùng nêu việc ấy ra, người phạm tội đứng im lặng không chịu nói có tội hay không có tội, làm náo loạn chúng Tăng. Nên biết người này có lỗi như loại ngựa thứ bảy.

- Thứ tám: Tỳ-kheo nào phạm tội về kiến, văn, nghi, Tỳ-kheo thanh tịnh phát hiện và nêu việc ấy ra, người phạm tội liền xả giới, thiện căn thoái chuyển, bỏ đạo hoàn tục. Sau khi hoàn tục vị ấy đứng

bên cửa chùa nói với các Tỳ-kheo: “Nay tôi đã hoàn tục, làm thỏa mãn ý nguyện các người chưa? Nay các người có vô cùng hoan hỷ, thích thú không?”. Nên biết người này có lỗi như loại ngựa thứ tám.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*

### 150. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có tám loại ngựa xứng đáng để bậc Hiền nhân cõi. Bậc Hiền nhân là Chuyển luân Thánh vương. Thế nào là tám?

- Tướng hiền thứ nhất của ngựa là sanh ra từ giống ngựa hiền.
- Thứ hai: Được điều phục hoàn toàn, không gây phiền não cho các ngựa thường khác. Đây là tướng hiền thứ hai của ngựa.
- Thứ ba: Khi ăn cỏ không chọn tốt xấu, ăn hết không rơi vãi. Đây là tướng ngựa hiền thứ ba.

• Thứ tư: Không bao giờ đứng lại, nằm nghỉ nơi có vật ô uế, bất tịnh, nơi đại tiểu tiện. Đây là tướng ngựa hiền thứ tư.

• Thứ năm: Thường chỉ cho người điều khiển về lỗi lầm của ngựa dữ và dạy người điều khiển sửa trị ngựa dữ về những tật xấu. Đây là tướng ngựa hiền thứ năm.

• Thứ sáu: Thường kham chịu chở nặng không cầu nhẹ, luôn suy nghĩ: “Khi ta gặp ngựa khác chuyên chở, ta sẽ chở thay cho nó”. Đây là tướng ngựa hiền thứ sáu.

• Thứ bảy: Thường đi giữa đường, bắt đầu đi không nhảy vọt, đường đi nhỏ hẹp thì biết rõ để đi qua. Đây là tướng ngựa hiền thứ bảy.

• Thứ tám: Tuy bị bệnh nặng đến gần chết vẫn không thay đổi sức làm việc. Đây là tướng ngựa hiền thứ tám.

Bậc Trượng phu hiền thiện cũng có tám hạng. Những gì là tám?

• Thứ nhất: Tỳ-kheo nào trì giới trọn vẹn, đầy đủ uy nghi, quan hệ với thế gian không bị phạm giới, lỡ phạm vào tội nhỏ tâm cũng rất sợ hãi, giữ giới đã thọ như người bị chột giữ gìn con mắt còn lại. Nên biết người này giống như hạng ngựa hiền thứ nhất sống hiền thiện.

• Thứ hai: Tỳ-kheo nào sống với đầy đủ pháp thiện, không bao

giờ làm phiền vị đồng phạm hạnh khác, sống chung một cách an lạc như nước hòa với sữa. Nên biết người này như loại ngựa thứ hai sống hiền thiện.

. Thứ ba: Tỳ-kheo nào khi thọ nhận sự ăn uống không chọn ngon dở, ăn hết không để rơi vãi. Nên biết người này như loại ngựa thứ ba sống hiền thiện.

. Thứ tư: Tỳ-kheo nào thấy các pháp ác, không thanh tịnh, tâm sanh nhảm chán, ba nghiệp đều xa lìa hành động bất thiện, chê trách pháp ác là xấu xa hạ tiện. Nên biết người này như loại ngựa thứ tư sống hiền thiện.

. Thứ năm: Tỳ-kheo nào sau khi đã phạm tội, tự thân đến trước Đức Phật hay các vị đồng phạm hạnh để phát lộ sám hối tội lỗi của mình. Phải biết người này như hạng ngựa thứ năm sống hiền thiện.

. Thứ sáu: Tỳ-kheo giữ gìn đầy đủ học giới, thấy các vị Tỳ-kheo đồng phạm hạnh khác bị phạm giới, nên tâm sợ sệt tự nghĩ: “Ta phải tu học đừng để phạm giới như họ”. Phải biết người này như hạng ngựa thứ sáu sống hiền thiện.

. Thứ bảy: Tỳ-kheo nào hành tám Chánh đạo, không đi đường tà, phải biết người này như hạng ngựa thứ bảy sống hiền thiện, không đi sai đường.

. Thứ tám: Tỳ-kheo nào tuy bị bệnh rất nặng đến gần chết nhưng vẫn tinh tấn không biếng nhác, tâm chí kiên cố không thay đổi, luôn luôn tiến tới cầu các pháp thắng diệu, tâm không mệt mỏi. Phải biết người này như hạng ngựa thứ tám, tận lực đến chết luôn sống hiền thiện, chắc chắn chứng quả chân thật trong giáo pháp của Phật.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

\*\*  
\*

### 151. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tinh xá Bồn-thật-ca, nước Na-đè-ca.

Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-chiên-diên:

– Hãy định ý, chớ loạn tưởng, phải như ngựa toàn thiện chế ngự các cǎn, đừng như ngựa dữ tán loạn các cǎn. Như con ngựa dữ bị cột trong chuồng, chỉ nghĩ đến cỏ và nước, ngoài ra không biết gì cả, nếu